VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 11 năm 2021 hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và dự án đầu tư có sử dụng đất

(Tiếp theo Công báo số 1009 + 1010)

Phụ lục IV
MẪU HỒ SƠ MỜI THẦU
ĐỐI VỚI DỰ ÁN PPP KHÔNG ÁP DỤNG SƠ TUYỂN VÀ DỰ ÁN PPP ÁP DỤNG HÌNH THỨC ĐÀM PHÁN CẠNH TRANH THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 1 ĐIỀU 38 CỦA LUẬT PPP
(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

HỒ SƠ MỜI THẦU

PHẦN 1. THỦ TỤC LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

CHƯƠNG I. CHỈ DẪN NHÀ ĐẦU TƯ

27. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung	Các định nghĩa sau đây sẽ được áp dụng cho quá trình đánh giá HSDT: 27.1. "Sai khác" là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong HSMT;

	27.2. "Đặt điều kiện" là việc nhà đầu tư đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong HSMT; 27.3. "Bỏ sót nội dung" là việc nhà đầu tư không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong HSMT.
28. Xác định tính đáp ứng của HSDT	28.1. Bên mời thầu sẽ xác định tính đáp ứng của HSDT dựa trên nội dung của HSDT theo quy định tại Mục 10 CDNĐT. 28.2. HSDT đáp ứng cơ bản là HSDT đáp ứng các yêu cầu cơ bản nêu trong HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản là những điểm trong HSDT mà nếu được chấp thuận hoặc cho nhà đầu tư sửa đổi, bổ sung, thay thế sẽ: a) Gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi và yêu cầu về mặt kỹ thuật, công nghệ, chất lượng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng, sản phẩm, dịch vụ công; b) Gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với HSMT đối với quyền hạn của bên mời thầu, cơ quan ký kết hợp đồng dự án, cơ quan có thẩm quyền hoặc nghĩa vụ của nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án trong hợp đồng; c) Gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà đầu tư khác có HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT. 28.3. Bên mời thầu phải kiểm tra các nội dung về mặt kỹ thuật của HSDT theo Mục 13 CDNĐT và việc kiểm tra đề xuất về kỹ thuật nhằm khẳng định rằng tất cả yêu cầu

	nêu trong Phần 2 - Yêu cầu thực hiện dự án đã được đáp ứng và HSDT không có những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót các nội dung cơ bản. 28.4. Nếu HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong HSMT thì HSDT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDT đó nhằm làm cho HSDT trở thành đáp ứng cơ bản HSMT.
29. Sai sót không nghiêm trọng	29.1. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT thì bên mời thầu có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDT. 29.2. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản HSMT, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà đầu tư cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong một thời hạn hợp lý để sửa chữa những điểm chưa phù hợp hoặc sai sót không nghiêm trọng trong HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ khía cạnh nào của đề xuất về tài chính - thương mại của nhà đầu tư; nếu không đáp ứng yêu cầu nói trên của bên mời thầu thì HSDT của nhà đầu tư có thể sẽ bị loại. 29.3. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản HSMT, bên mời thầu sẽ điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến đề xuất về tài chính - thương mại của nhà đầu tư. Theo đó, đề xuất về

	tài chính - thương mại của nhà đầu tư sẽ được điều chỉnh cho các hạng mục sai khác so với yêu cầu của HSMT theo quy định tại Mục 33.2 CDNĐT.
30. Mở HSĐXKT	30.1. Ngoại trừ các trường hợp HSDT nộp muộn theo quy định tại Mục 22 CDNĐT và HSDT mà nhà đầu tư yêu cầu rút theo quy định tại Mục 23.3 CDNĐT, bên mời thầu phải mở công khai và đọc rõ các thông tin theo điểm b Mục 30.2 CDNĐT của tất cả HSĐXKT thuộc HSDT đã nhận được trước thời điểm đóng thầu. Việc mở HSĐXKT phải được tiến hành công khai theo thời gian và địa điểm quy định tại **BDL** trước sự chứng kiến đại diện của các nhà đầu tư tham dự lễ mở HSĐXKT và đại diện của các cơ quan, tổ chức có liên quan. Việc mở HSĐXKT không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà đầu tư tham dự thầu. Chỉ có các HSĐXKT được mở và đọc trong lễ mở thầu mới được tiếp tục xem xét và đánh giá. 30.2. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSDT theo thứ tự chữ cái tên của nhà đầu tư và theo trình tự sau đây: a) Kiểm tra niêm phong; b) Mở bản gốc HSĐXKT, HSĐXKT sửa đổi (nếu có) hoặc HSĐXKT thay thế (nếu có) và đọc rõ những thông tin sau: tên nhà đầu tư, số lượng bản gốc, bản chụp HSĐXKT, thời gian có hiệu lực của HSĐXKT, thời gian thực hiện hợp đồng, giá trị, hiệu lực của bảo đảm dự thầu và các thông tin khác mà bên mời thầu thấy cần thiết;

	c) Đại diện của bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu đề xuất về kỹ thuật, giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư (nếu có), thỏa thuận liên danh (nếu có), bảo đảm dự thầu; các nội dung quan trọng của từng HSĐXKT. Bên mời thầu không được loại bỏ bất kỳ HSDT nào khi mở thầu, trừ các HSDT nộp muộn theo quy định tại Mục 22 CDNĐT và HSDT mà nhà đầu tư yêu cầu rút theo quy định tại Mục 23.3 CDNĐT. 30.3. Đối với trường hợp rút HSDT: Bên mời thầu sẽ mở và đọc rõ các thông tin trong văn bản đề nghị rút HSDT. HSDT của nhà đầu tư có đề nghị rút HSDT (gồm HSĐXKT và HSĐXTCTM) sẽ trả lại cho nhà đầu tư. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà đầu tư rút HSDT và vẫn mở HSDT tương ứng nếu văn bản đề nghị rút HSDT không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà đầu tư và phải được công khai trong lễ mở thầu. 30.4. Đối với trường hợp sửa đổi HSĐXKT Bên mời thầu sẽ tiến hành mở túi đựng và đọc rõ thông tin tại văn bản đề nghị sửa đổi HSĐXKT, HSĐXKT sửa đổi trước khi mở túi đựng và đọc rõ thông tin trong HSĐXKT ban đầu của nhà đầu tư. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà đầu tư sửa đổi HSĐXKT nếu văn bản đề nghị sửa đổi HSĐXKT không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà đầu tư.

	30.5. Đối với trường hợp thay thế HSĐXKT Bên mời thầu sẽ tiến hành mở túi đựng và đọc rõ thông tin tại văn bản đề nghị thay thế HSĐXKT, HSĐXKT thay thế. HSĐXKT ban đầu sẽ được trả lại cho nhà đầu tư. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà đầu tư thay thế HSĐXKT nếu văn bản đề nghị thay thế HSĐXKT không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà đầu tư. 30.6. Bên mời thầu phải lập biên bản mở thầu trong đó gồm thông tin quy định tại các Mục 30.2, 30.3 và 30.4 và 30.5 CDNĐT. Đại diện của các nhà đầu tư tham dự lễ mở thầu sẽ được yêu cầu ký vào biên bản. Việc thiếu chữ ký của nhà đầu tư trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà đầu tư tham dự thầu.
31. Đánh giá HSĐXKT	31.1. Đánh giá HSĐXKT theo phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Chương III - Đánh giá HSDT. 31.2. Danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật sẽ được phê duyệt bằng văn bản. Bên mời thầu sẽ thông báo bằng văn bản danh sách các nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật (gồm tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà đầu tư) đến tất cả nhà đầu tư tham dự thầu và mời các nhà đầu tư tham dự thầu đến mở HSĐXTCTM, trong đó nêu rõ thời gian, địa điểm mở HSĐXTCTM.

32. Mở HSĐXTCTM	32.1. Việc mở HSĐXTCTM được tiến hành công khai theo thời gian và địa điểm nêu trong văn bản thông báo danh sách các nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, trước sự chứng kiến của đại diện các nhà đầu tư tham dự lễ mở HSĐXTCTM và đại diện của các cơ quan, tổ chức có liên quan. Việc mở HSĐXTCTM không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật. Chỉ có các HSĐXTCTM được mở và đọc tại buổi mở HSĐXTCTM mới được tiếp tục xem xét và đánh giá. 32.2. Tại lễ mở HSĐXTCTM, bên mời thầu công khai văn bản phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật. 32.3. Việc mở HSĐXTCTM được thực hiện đối với từng HSĐXTCTM theo thứ tự chữ cái tên của nhà đầu tư có tên trong danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và theo trình tự sau đây: a) Kiểm tra niêm phong; b) Mở hồ sơ và đọc rõ các thông tin về: - Tên nhà đầu tư; - Số lượng bản gốc, bản chụp HSĐXTCTM; - Thông tin tại đơn dự thầu đề xuất tài chính - thương mại: thời gian có hiệu lực của HSĐXTCTM; tổng mức đầu tư của dự án; giá, phí sản phẩm, dịch vụ công (nếu có); vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng (nếu có); phần nộp ngân sách nhà nước hoặc thời gian thực hiện hợp đồng (nếu có);

	- Điểm kỹ thuật của các HSDT được đánh giá đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật; - Các thông tin khác liên quan. c) Đại diện của bên mời thầu phải ký xác nhận vào tất cả các trang bản gốc của HSĐXTCTM. 32.4. Đối với trường hợp sửa đổi HSĐXTCTM, bên mời thầu sẽ tiến hành mở túi đựng và đọc rõ thông tin tại văn bản đề nghị sửa đổi HSĐXTCTM, HSĐXTCTM sửa đổi trước khi mở túi đựng và đọc rõ thông tin trong HSĐXTCTM ban đầu của nhà đầu tư. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà đầu tư sửa đổi HSĐXTCTM nếu văn bản đề nghị sửa đổi HSĐXTCTM không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà đầu tư. 32.5. Đối với trường hợp thay thế HSĐXTCTM, bên mời thầu sẽ tiến hành mở túi đựng và đọc rõ thông tin tại văn bản đề nghị thay thế HSĐXTCTM, HSĐXTCTM thay thế. HSĐXTCTM ban đầu sẽ được trả lại cho nhà đầu tư. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà đầu tư thay thế HSĐXTCTM nếu văn bản đề nghị thay thế HSĐXTCTM không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà đầu tư. 32.6. Bên mời thầu phải lập biên bản mở HSĐXTCTM trong đó gồm thông tin quy định tại các Mục 32.2, 32.3, 32.4 và 32.5 CDNĐT. Đại diện của các nhà đầu tư tham dự lễ mở HSĐXTCTM sẽ được yêu cầu ký vào biên bản. Việc thiếu chữ ký nhà đầu tư trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở HSĐXTCTM sẽ được gửi cho các nhà đầu tư tham dự thầu.

33. Sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch	33.1. Sửa lỗi là việc sửa lại những sai sót trong HSDT gồm lỗi số học, lỗi nhầm đơn vị; khác biệt giữa những nội dung thuộc đề xuất về kỹ thuật và nội dung thuộc đề xuất về tài chính - thương mại và các lỗi khác. Việc sửa lỗi được thực hiện theo quy định tại **BDL**. 33.2. Hiệu chỉnh sai lệch là việc điều chỉnh những nội dung thiếu hoặc thừa không nghiêm trọng trong HSDT so với yêu cầu của HSMT. Các nội dung hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định tại **BDL** trên cơ sở bảo đảm công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế. Các nội dung được hiệu chỉnh phải bảo đảm nguyên tắc không phải là các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản theo quy định tại Mục 28.2 CDNĐT. Việc hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện chỉ hoàn toàn nhằm mục đích so sánh các HSDT. 33.3. Sau khi phát hiện lỗi, sai lệch, bên mời thầu phải thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư biết về lỗi, sai lệch và việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch nội dung đó. Trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của bên mời thầu, nhà đầu tư phải có ý kiến bằng văn bản gửi bên mời thầu về các nội dung sau đây: a) Chấp thuận hay không chấp thuận kết quả sửa lỗi. Trường hợp nhà đầu tư không chấp thuận kết quả sửa lỗi thì HSDT của nhà đầu tư đó sẽ bị loại; b) Nêu ý kiến của mình về kết quả hiệu chỉnh sai lệch. Trường hợp nhà đầu tư không chấp thuận kết quả hiệu chỉnh sai lệch thì phải nêu rõ lý do để bên mời thầu xem xét, quyết định.

34. Đánh giá HSĐXTCTM và xếp hạng nhà đầu tư	34.1. Đánh giá HSĐXTCTM theo quy trình, phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Chương III - Đánh giá HSDT. Đối với dự án PPP có tiểu dự án sử dụng vốn đầu tư công theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 70 của Luật PPP, HSMT không áp dụng tiêu chuẩn vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng. 34.2. Trường hợp phương án tài chính của nhà đầu tư có các thông số đầu vào hoặc nhà đầu tư đề xuất giá, phí sản phẩm, dịch vụ công, vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng, đề xuất nộp ngân sách nhà nước, thời gian thực hiện hợp đồng bất thường ảnh hưởng đến chất lượng công trình, dịch vụ được cung cấp thì bên mời thầu báo cáo cơ quan có thẩm quyền để yêu cầu nhà đầu tư làm rõ về tính khả thi của phương án tài chính được đề xuất. Trong trường hợp này, bên mời thầu sẽ báo cáo cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập tổ thẩm định liên ngành để yêu cầu nhà đầu tư làm rõ các yếu tố cấu thành trong phương án tài chính theo hướng sau đây: a) Các yếu tố kinh tế liên quan đến đề xuất về kỹ thuật để xây dựng công trình, cung cấp dịch vụ công; b) Giải pháp kinh tế được áp dụng hoặc các lợi thế đặc biệt của nhà đầu tư dẫn đến lợi thế trong đề xuất phương án tài chính; c) Nguồn gốc của giải pháp kỹ thuật, công nghệ để triển khai thực hiện dự án, trong đó phải bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật.

	Trường hợp thỏa mãn các điều kiện quy định tại các điểm a, b và c của Mục này và việc làm rõ của nhà đầu tư thuyết phục thì HSĐXTCTM của nhà đầu tư được tiếp tục xem xét, đánh giá. Trong trường hợp này, nếu nhà đầu tư được chấp nhận trúng thầu, để đề phòng rủi ro, cơ quan có thẩm quyền có thể quy định giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng lớn hơn quy định trong HSMT nhưng không quá 3% tổng mức đầu tư của dự án. Trường hợp không thỏa mãn các điều kiện quy định tại điểm a, b và c của Mục này và việc làm rõ của nhà đầu tư không đủ thuyết phục dẫn đến phương án tài chính của nhà đầu tư được đánh giá là không khả thi thì HSĐXTCTM của nhà đầu tư sẽ bị loại. 34.3. Sau khi đánh giá HSĐXTCTM, bên mời thầu lập danh sách xếp hạng nhà đầu tư theo quy định tại **BDL**.
35. Điều kiện xét duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư	Nhà đầu tư được xem xét, đề nghị lựa chọn khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: 35.1. Có HSDT hợp lệ; 35.2. Đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm; 35.3. Đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật; 35.4. Đáp ứng yêu cầu về tài chính - thương mại theo quy định tại **BDL**; 35.6. Có HSDT được xếp thứ nhất.
36. Hủy thầu	36.1. Bên mời thầu sẽ thông báo hủy thầu trong trường hợp sau đây: a) Tất cả HSDT không đáp ứng được các yêu cầu nêu trong HSMT;

	b) Thay đổi mục tiêu, quy mô đầu tư đã ghi trong HSMT; c) HSMT không tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà đầu tư được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện dự án; d) Việc tổ chức lựa chọn nhà đầu tư không tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến hạn chế cạnh tranh giữa các nhà đầu tư; đ) Có bằng chứng về việc đưa, nhận, môi giới hối lộ, thông thầu, gian lận, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để can thiệp trái pháp luật vào hoạt động lựa chọn nhà đầu tư dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà đầu tư. 36.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm dẫn đến hủy thầu theo quy định tại điểm c, điểm d và điểm đ Mục 36.1 CDNĐT phải bồi thường chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật. 36.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục 36.1 CDNĐT, trong thời hạn 14 ngày, bên mời thầu phải hoàn trả bảo đảm dự thầu cho các nhà đầu tư dự thầu, trừ trường hợp nhà đầu tư vi phạm quy định tại điểm đ Mục 36.1 CDNĐT.
37. Công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư	37.1. Sau khi có kết quả lựa chọn nhà đầu tư, bên mời thầu đăng tải thông tin về kết quả lựa chọn nhà đầu tư lên Hệ thống và gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư tới các nhà đầu tư tham dự thầu trong thời hạn không muộn hơn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà đầu tư được phê duyệt. Văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư phải gồm các nội dung sau đây:

	a) Tên dự án, địa điểm và quy mô dự án; b) Tên nhà đầu tư trúng thầu; c) Loại hợp đồng; d) Tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn của dự án; đ) Giá, phí sản phẩm, dịch vụ công (nếu có); vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng (nếu có); nộp ngân sách nhà nước hoặc thời gian thực hiện hợp đồng (nếu có); nội dung chia sẻ doanh thu (nếu có); e) Danh sách nhà đầu tư không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà đầu tư; g) Kế hoạch đàm phán, hoàn thiện, ký kết hợp đồng với nhà đầu tư được lựa chọn; h) Các nội dung khác (nếu có). 37.2. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục 36.1 CDNĐT, trong văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư phải nêu rõ lý do hủy thầu và trách nhiệm của các bên liên quan khi hủy thầu. 37.3. Cùng với văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư, bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng, gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian đàm phán, hoàn thiện hợp đồng, ký kết hợp đồng theo quy định tại các Mục 38, 39 và 40 CDNĐT cho nhà đầu tư được lựa chọn. Thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà đầu tư trúng thầu không đến đàm phán, hoàn thiện hợp đồng, ký kết hợp đồng hoặc doanh nghiệp dự án PPP do nhà đầu tư thành lập không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận HSDT thì nhà đầu tư sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm c và d Mục 17.5 CDNĐT.

38. Đàm phán, hoàn thiện hợp đồng	38.1. Căn cứ kết quả lựa chọn nhà đầu tư, cơ quan có thẩm quyền tổ chức đàm phán, hoàn thiện hợp đồng với nhà đầu tư được lựa chọn. Nhà đầu tư trúng thầu được mời đến đàm phán, hoàn thiện hợp đồng. Trường hợp nhà đầu tư được mời đến đàm phán, hoàn thiện hợp đồng nhưng không đến hoặc từ chối đàm phán, hoàn thiện hợp đồng thì bảo đảm dự thầu của nhà đầu tư không được hoàn trả, trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật. 38.2. Việc đàm phán, hoàn thiện hợp đồng dựa trên cơ sở sau đây: a) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư; b) Báo cáo đánh giá HSDT; c) HSDT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ HSDT (nếu có) của nhà đầu tư; d) HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ HSMT (nếu có). 38.3. Việc đàm phán, hoàn thiện hợp đồng không được làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDT. 38.4. Nội dung đàm phán, hoàn thiện hợp đồng: a) Đàm phán, hoàn thiện về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa HSMT và HSDT, giữa các nội dung khác nhau trong HSDT có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng; b) Đàm phán về những sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong

	HSDT và yêu cầu nhà đầu tư cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong một thời hạn hợp lý để sửa chữa những sai sót đó; c) Đàm phán về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của dự án; d) Ngoài những nội dung quy định tại các điểm a và điểm b Mục này, bên mời thầu báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định các nội dung đàm phán, hoàn thiện hợp đồng cần thiết khác phù hợp với loại hợp đồng của dự án. 38.5. Nhà đầu tư không được thay đổi, rút hoặc từ chối thực hiện các nội dung cơ bản đề xuất trong HSDT đã được bên mời thầu đánh giá đáp ứng yêu cầu của HSMT, trừ trường hợp các thay đổi do nhà đầu tư đề xuất mang lại hiệu quả cao hơn cho dự án. 38.6. Trong quá trình đàm phán, hoàn thiện hợp đồng, các bên tham gia tiến hành hoàn thiện dự thảo hợp đồng. 38.7. Trường hợp đàm phán, hoàn thiện hợp đồng không thành công, bên mời thầu báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định hủy kết quả lựa chọn nhà đầu tư và mời nhà đầu tư xếp hạng tiếp theo vào đàm phán, hoàn thiện hợp đồng. Trường hợp đàm phán, hoàn thiện hợp đồng với các nhà đầu tư trong danh sách xếp hạng và đáp ứng các yêu cầu của HSMT không thành công thì bên mời thầu báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 36.1 CDNĐT.

39. Ký kết hợp đồng	39.1. Hợp đồng được ký kết trên cơ sở quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư, kết quả đàm phán hợp đồng, HSDT còn hiệu lực, thông tin năng lực của nhà đầu tư đã được cập nhật tại thời điểm ký kết và HSMT. 39.2. Nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP hợp thành một bên và cùng ký vào hợp đồng với cơ quan ký kết hợp đồng. 39.3. Đối với nhà đầu tư liên danh, tất cả thành viên liên danh phải trực tiếp ký, đóng dấu (nếu có) vào hợp đồng.
40. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	40.1. Trước khi hợp đồng có hiệu lực, doanh nghiệp dự án phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại **BDL**. 40.2. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại **BDL**. 40.3. Nhà đầu tư không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây: a) Từ chối thực hiện hợp đồng sau khi ký kết hợp đồng; b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng dẫn đến chấm dứt hợp đồng trước thời hạn theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 52 của Luật PPP. c) Không gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp cần kéo dài thời gian xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng.
41. Giải quyết kiến nghị trong lựa chọn nhà đầu tư	41.1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị ảnh hưởng, nhà đầu tư có quyền gửi đơn kiến nghị về các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư, kết quả lựa chọn nhà đầu tư đến bên mời thầu, cơ quan có thẩm

	quyền, Hội đồng tư vấn theo địa chỉ quy định tại **BDL**. Việc giải quyết kiến nghị trong lựa chọn nhà đầu tư được thực hiện theo quy định tại Điều 95, Điều 96 Luật PPP và Tiểu mục 2 Mục 9 Chương IV Nghị định số 35/2021/NĐ-CP. 41.2. Cơ quan giải quyết kiến nghị đăng tải kết quả giải quyết kiến nghị trong lựa chọn nhà đầu tư lên Hệ thống.
42. Xử lý vi phạm trong đầu tư theo phương thức PPP	42.1. Tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP và quy định khác của pháp luật có liên quan thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp hành vi vi phạm pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật. 42.2. Ngoài việc bị xử lý theo quy định tại Mục 42.1 CDNĐT, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP còn bị cấm tham gia hoạt động đầu tư theo phương thức PPP và đưa vào danh sách các nhà đầu tư vi phạm trên Hệ thống. 42.3. Trường hợp vi phạm dẫn tới bị cấm tham gia hoạt động đầu tư theo phương thức PPP, nhà đầu tư vi phạm có thể bị cấm tham gia hoạt động đầu tư theo phương thức PPP đối với các dự án thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ, ngành, địa phương hoặc trên phạm vi toàn quốc theo quy định tại Điều 86 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.

	42.4. Công khai xử lý vi phạm: a) Quyết định xử lý vi phạm được gửi cho tổ chức, cá nhân bị xử lý và các cơ quan, tổ chức liên quan; b) Quyết định xử lý vi phạm được cơ quan xử lý vi phạm đăng tải lên Hệ thống.
43. Giám sát, theo dõi quá trình lựa chọn nhà đầu tư	Cơ quan có thẩm quyền cử cá nhân hoặc đơn vị nêu tại **BDL** tham gia giám sát, theo dõi quá trình lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án. Trường hợp nhà đầu tư phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đầu tư theo phương thức PPP, nhà đầu tư có trách nhiệm thông báo với cá nhân hoặc đơn vị được phân công giám sát, theo dõi.

CHƯƠNG II. BẢNG DỮ LIỆU

CDNĐT 1.1	Tên và địa chỉ của Bên mời thầu: - Tên Bên mời thầu:___ *[ghi tên bên mời thầu]* - Đại diện:___ *[ghi tên đầy đủ của người đại diện]* - Số nhà/số tầng/số phòng:__ *[ghi số nhà, số tầng, số phòng (nếu có)]* - Tên đường, phố:___ *[ghi tên đường phố]* - Thành phố:___ *[ghi tên thành phố hoặc thị trấn]* - Mã bưu điện:___ *[ghi mã bưu điện (nếu có)]* - Số điện thoại:___ *[ghi số điện thoại, gồm mã nước và mã thành phố]*

	- Số fax:___ *[ghi số fax, gồm mã nước và mã thành phố]* - Địa chỉ e-mail:___ *[ghi địa chỉ email (nếu có)]*
CDNĐT 1.2	Yêu cầu về vốn chủ sở hữu và vốn vay mà nhà đầu tư phải thu xếp, huy động: - Vốn chủ sở hữu tối thiểu mà nhà đầu tư phải thu xếp[(2)] là: ___ *[ghi vốn chủ sở hữu tối thiểu yêu cầu nhà đầu tư phải thu xếp bằng số và bằng chữ]*. - Tổng giá trị vốn chủ sở hữu và vốn vay nhà đầu tư có khả năng thu xếp tối thiểu là: __ *[ghi giá trị bằng số và bằng chữ]*.
CDNĐT 1.3	*[- Trường hợp áp dụng, bên mời thầu ghi như sau:* "Giá, phí sản phẩm, dịch vụ công tối đa: ___ *[ghi giá, phí sản phẩm, dịch vụ công bằng số và bằng chữ trong báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt];* *- Trường hợp không áp dụng bên mời thầu ghi:* Không áp dụng"*]*.
CDNĐT 1.4	*[- Trường hợp áp dụng, bên mời thầu ghi như sau:* "+ Vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng tối đa:___ *[ghi vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng bằng số và bằng chữ trong quyết định phê duyệt dự án]* "+ Phương thức quản lý và sử dụng:___ *[ghi phương thức quản lý sử dụng phần vốn này theo một hoặc các phương thức quy định tại khoản 5 Điều 70 Luật PPP]* *- Trường hợp không áp dụng, bên mời thầu ghi:* Không áp dụng" *]*.

[(2)] Yêu cầu về vốn chủ sở hữu tối thiểu của nhà đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 77 Luật PPP và trùng khớp với Mục 3 Chương III – Đánh giá HSDT.

CDNĐT 1.5	*[Trường hợp áp dụng, bên mời thầu ghi như sau:* "Yêu cầu đề xuất nộp ngân sách nhà nước tối thiểu:___ *[ghi đề xuất nộp ngân sách nhà nước bằng số và bằng chữ trong báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt.* *Hoặc* Thời gian thực hiện hợp đồng tối đa: ___ *[ghi thời gian thực hiện hợp đồng trong báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt* - *Trường hợp không áp dụng, bên mời thầu ghi:* Không áp dụng"*]*.
CDNĐT 1.6	Thông tin cơ bản của dự án gồm: *[ghi tóm tắt thông tin cơ bản của dự án theo nội dung dưới đây trên cơ sở quyết định chủ trương đầu tư hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt]* a) Tên dự án b) loại hợp đồng dự án:_____ c) Tên cơ quan có thẩm quyền [(3)]:_____ d) Tên cơ quan ký kết hợp đồng:_____ đ) Tên đơn vị chuẩn bị dự án:_____ e) Mục tiêu, quy mô, địa điểm thực hiện dự án:_____ g) Yêu cầu về kỹ thuật, tiêu chuẩn, chất lượng công trình dự án, sản phẩm hoặc dịch vụ cung cấp:_____ h) Tổng mức đầu tư; vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng (nếu có):_____

[(3)] Đối với dự án áp dụng loại hợp đồng O&M, tổng mức đầu tư được xác định theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

	i) Dự kiến tiến độ triển khai dự án gồm:_____ k) Các nội dung khác:_____
CDNĐT 3.2 (d)	- Nhà thầu tư vấn lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi (nếu có):___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]*, trừ trường hợp dự án do nhà đầu tư đề xuất mà nhà đầu tư đó tham dự thầu; - Tư vấn thẩm tra, thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi (nếu có):___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]* - Tư vấn thẩm tra, thẩm định hồ sơ thiết kế, dự toán (nếu có):___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]* - Tư vấn lập HSMT (nếu có):___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]* - Tư vấn thẩm định HSMT (nếu có):___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]* - Tư vấn đánh giá HSDT (nếu có):___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn* - Tư vấn thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư (nếu có):___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]* - Tư vấn giám sát thực hiện hợp đồng (nếu có):___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]* - Tư vấn kiểm định dự án PPP (nếu có):___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]*
CDNĐT 5.2	Hội nghị tiền đấu thầu:_____ *[ghi "sẽ" hoặc "sẽ không"]* được tổ chức. *[Trường hợp hội nghị được tổ chức:____ ghi ngày, giờ, địa điểm tổ chức hội nghị]*

CDNĐT 6.1	Bên mời thầu:_____ *[ghi "sẽ" hoặc "sẽ không"]* tổ chức khảo sát hiện trường. *[Trường hợp bên mời thầu hướng dẫn nhà đầu tư đi khảo sát hiện trường thì ghi rõ thời gian, địa điểm]*.
CDNĐT 7.2	Thời hạn đăng tải văn bản sửa đổi HSMT tối thiểu____ ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu *[ghi số ngày cụ thể, bảo đảm đủ thời gian để nhà đầu tư hoàn chỉnh HSDT và tối thiểu là 15 ngày đối với lựa chọn nhà đầu tư trong nước và 25 ngày đối với lựa chọn nhà đầu tư quốc tế]*.
CDNĐT 9	*[Căn cứ hình thức lựa chọn nhà đầu tư, ghi rõ ngôn ngữ của HSDT:* *- Đối với lựa chọn nhà đầu tư quốc tế:* HSDT cũng như tất cả thư từ và tài liệu liên quan đến HSDT trao đổi giữa nhà đầu tư với bên mời thầu được viết bằng:____ *[Trường hợp HSMT được viết bằng tiếng Anh thì ghi "Tiếng Anh"; HSMT được viết bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt thì ghi "Nhà đầu tư có thể lựa chọn tiếng Anh hoặc tiếng Việt để lập HSDT căn cứ vào nội dung của bản HSMT bằng tiếng Anh"]*. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác kèm theo bản dịch sang:___ *[Trường hợp HSMT được viết bằng tiếng Anh thì ghi "Tiếng Anh" HSMT được viết bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt thì ghi "Ngôn ngữ mà nhà đầu tư lựa chọn để lập HSDT"]*. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà đầu tư gửi bổ sung.

	- Đối với lựa chọn nhà đầu tư trong nước: HSDT cũng như tất cả thư từ và tài liệu liên quan đến HSDT trao đổi giữa nhà đầu tư với bên mời thầu được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà đầu tư gửi bổ sung.*]*
CDNĐT 10.3	Nhà đầu tư phải nộp cùng với HSDT các tài liệu sau đây:___ *[ghi cụ thể các nội dung cần thiết khác của HSDT ngoài các nội dung quy định tại Mục 10.1 và 10.2 CDNĐT trên cơ sở phù hợp với quy mô, tính chất của dự án và không làm hạn chế sự tham dự thầu của nhà đầu tư. Nếu không có yêu cầu thì phải ghi rõ là "*không áp dụng*"].*
CDNĐT 12.1	Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà đầu tư: a) Đối với nhà đầu tư độc lập, phải cung cấp các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của mình như sau: Bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà đầu tư đang hoạt động cấp. b) Đối với nhà đầu tư liên danh, phải cung cấp các tài liệu sau đây: - Các tài liệu nêu tại điểm a Mục này đối với từng thành viên liên danh; - Văn bản thỏa thuận liên danh giữa các thành viên theo Mẫu số 03 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu.

CDNĐT 12.2	a) Đồng tiền dùng để đánh giá:_____ *[ghi cụ thể 01 loại đồng tiền. Đối với lựa chọn nhà đầu tư trong nước thì là VND. Đối với lựa chọn nhà đầu tư quốc tế thì có thể quy định là VND hoặc USD hoặc EUR...]* - Đồng tiền trung gian là:_____ *[ghi đồng tiền trung gian dùng để quy đổi về đồng tiền dùng để đánh giá]*. - Thời điểm xác định tỷ giá quy đổi là:_____ *[ghi thời điểm xác định tỷ giá quy đổi]*. - Căn cứ xác định tỷ giá quy đổi:____ *[ghi cách tính tỷ giá chéo (tỷ giá mua vào, bán ra của một ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam)]*. b) Nhà đầu tư phải nộp cùng với HSDT các tài liệu sau đây:___ *[ghi cụ thể các nội dung cần thiết khác của HSDT ngoài các nội dung quy định tại điểm a Mục này trên cơ sở phù hợp với quy mô, tính chất, loại hợp đồng dự án cụ thể và không làm hạn chế sự tham dự thầu của nhà đầu tư. Nếu không có yêu cầu thì phải ghi rõ là "không áp dụng"]*.
CDNĐT 13	Thành phần đề xuất về kỹ thuật của nhà đầu tư gồm: *[Căn cứ quy mô, tính chất, loại hợp đồng dự án cụ thể, bên mời thầu quy định nội dung thành phần đề xuất về kỹ thuật của nhà đầu tư, trong đó có thể gồm:* *a) Kế hoạch và phương pháp triển khai thực hiện dự án bảo đảm cung cấp công trình dự án, sản phẩm hoặc dịch vụ liên tục, ổn định với chất lượng được xác định tại báo cáo nghiên cứu khả thi;*

	b) Phương án kỹ thuật, giải pháp công nghệ trên cơ sở yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng công trình dự án, sản phẩm hoặc dịch vụ cung cấp được xác định tại báo cáo nghiên cứu khả thi; *c) Phương án vận hành, quản lý, kinh doanh, bảo trì, bảo dưỡng công trình dự án;* *d) Các yêu cầu về môi trường, an toàn được xem xét trên cơ sở các tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường theo quy định của pháp luật về môi trường;* *e) Phương án quản lý rủi ro của nhà đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án.]*
CDNĐT 15.1	Thành phần đề xuất về tài chính - thương mại của nhà đầu tư gồm: *[Căn cứ quy mô, tính chất, loại hợp đồng dự án cụ thể, bên mời thầu quy định nội dung thành phần đề xuất về tài chính - thương mại của nhà đầu tư, trong đó có thể gồm:* *a) Bảng tổng hợp, bảng chi tiết phương án tài chính của nhà đầu tư;* *b) Cam kết nguồn cung cấp tài chính cho nhà đầu tư.]*
CDNĐT 16	- Đồng tiền dự thầu là:_____ *[căn cứ theo yêu cầu của dự án mà quy định việc cho phép và điều kiện áp dụng để nhà đầu tư chào theo một hoặc một số đồng tiền khác nhau nhưng không quá ba đồng tiền, ví dụ: VND, USD, EUR. Trường hợp trong số các đồng tiền đó có VND thì phải quy đổi về VND. Trường hợp cho phép chào bằng ngoại tệ thì phải yêu cầu nhà đầu tư chứng minh được nội dung công việc sử dụng ngoại tệ và sơ bộ*

	giá trị ngoại tệ tương ứng; các loại chi phí trong nước phải được chào bằng VND, các chi phí nước ngoài liên quan đến dự án thì được chào bằng đồng tiền nước ngoài]. *Trường hợp quy định hai hoặc ba đồng tiền thì bổ sung thêm các nội dung sau:* - Đồng tiền được sử dụng để quy đổi tất cả các giá trị từ nhiều loại tiền khác nhau thành một loại tiền duy nhất (đồng tiền quy đổi) nhằm phục vụ việc đánh giá và so sánh HSDT là:___ *[ghi tên đồng tiền, trường hợp trong số đồng tiền có VND thì phải quy đổi theo VND]* theo tỷ giá bán ra của một ngân hàng thương mại___ *[ghi tên ngân hàng thương mại có uy tín và căn cứ vào tỷ giá do ngân hàng đó công bố để quy đổi]* công bố vào ngày___ *[ghi cụ thể ngày, tháng, năm]*. - Đồng tiền trung gian:_____ *[ghi tên đồng tiền trung gian để quy đổi từ các loại đồng tiền về đồng tiền quy đổi trong trường hợp không có tỷ giá trực tiếp giữa các loại đồng tiền này và đồng tiền quy đổi. Trong trường hợp này, cần quy định thêm về công thức xác định tỷ giá quy đổi thông qua đồng tiền trung gian (tỷ giá bán ra, mua vào, tại thời điểm...)]*.
CDNĐT 17.1	- Hình thức bảo đảm dự thầu:____ *[ghi một trong các hình thức: đặt cọc, ký quỹ hoặc nộp thư bảo lãnh. Đối với trường hợp quy định bảo đảm dự thầu theo hình thức thư bảo lãnh thì ghi như sau*: "Nhà đầu tư được nộp thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh để bảo đảm trách nhiệm khi tham dự thầu. Thư bảo lãnh hoặc

	giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có). Thư bảo lãnh phải được lập theo Mẫu số 10 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu hoặc theo một hình thức khác tương tự nhưng phải gồm đầy đủ các nội dung cơ bản của bảo lãnh dự thầu"*]*. - Giá trị bảo đảm dự thầu là___ *[ghi giá trị và đồng tiền cụ thể, bảo đảm giá trị bảo đảm dự thầu từ 0,5 - 1,5% tổng mức đầu tư của dự án]*. - Thời hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu là___ ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu *[ghi số ngày bằng thời gian có hiệu lực của HSDT cộng thêm 30 ngày]*.
CDNĐT 17.4	a) Bên mời thầu sẽ hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu của nhà đầu tư không được lựa chọn trong thời gian___ ngày kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà đầu tư được phê duyệt *[ghi số ngày cụ thể nhưng không quá 14 ngày];* b) Trường hợp nhà đầu tư từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu khi bên mời thầu yêu cầu do gia hạn thời gian có hiệu lực của HSDT thì bên mời thầu phải hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu cho nhà đầu tư trong thời hạn___ ngày kể từ ngày bên mời thầu nhận được văn bản từ chối gia hạn *[ghi số ngày cụ thể nhưng không quá 14 ngày]*.

CDNĐT 18.1	Thời gian có hiệu lực của HSDT là___ ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu *[ghi cụ thể số ngày phù hợp, bảo đảm tiến độ thực hiện các công việc theo Bảng theo dõi tiến độ trong lựa chọn nhà đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt]*.
CDNĐT 19.1	- Số lượng bản chụp HSĐXKT là:___ *[ghi số lượng bản chụp cần thiết]*. - Số lượng bản chụp HSĐXTCTM là:___ *[ghi số lượng bản chụp cần thiết]*.
CDNĐT 21.1	- Thời điểm đóng thầu là:__ giờ__ phút, ngày__ tháng__ năm__ *[ghi thời điểm đóng thầu bảo đảm quy định thời gian từ ngày đầu tiên phát hành HSMT đến ngày có thời điểm đóng thầu tối thiểu là 60 ngày đối với lựa chọn nhà đầu tư trong nước, 90 ngày đối với lựa chọn nhà đầu tư quốc tế; không ghi thời điểm đóng thầu vào đầu giờ làm việc của một ngày để không làm hạn chế nhà đầu tư nộp HSDT]*.
CDNĐT 25.1	Thời hạn nhà đầu tư được phép chủ động gửi tài liệu đến bên mời thầu để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình:_____ *[Căn cứ tiến độ của dự án, thời gian đánh giá, bên mời thầu quy định thời gian nhà đầu tư được tự gửi tài liệu làm rõ cho phù hợp]* ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
CDNĐT 26.3	*[Căn cứ tiêu chuẩn áp dụng để so sánh, xếp hạng khi đánh giá HSDT, ghi rõ cách tính ưu đãi của nhà đầu tư trong các trường hợp:*

	a) Trường hợp áp dụng tiêu chuẩn giá, phí sản phẩm, dịch vụ công để so sánh, xếp hạng thì ghi "giá, phí sản phẩm, dịch vụ của nhà đầu tư được hưởng ưu đãi tính theo công thức sau: $G_{GTSS} = G_{GT} - G_{GT} X M_{UĐ} \%$ *Trong đó:* *- G_{GTSS}: là giá, phí sản phẩm, dịch vụ để so sánh, xếp hạng của nhà đầu tư được hưởng ưu đãi;* *- G_{GT}: là giá, phí sản phẩm, dịch vụ của nhà đầu tư được hưởng ưu đãi đề xuất trong HSDT.* *- $M_{UĐ}$: là mức ưu đãi nhà đầu tư được hưởng theo quy định tại Mục 26.1 CDNĐT".* *b) Trường hợp áp dụng tiêu chuẩn vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng để so sánh, xếp hạng thì ghi "giá trị vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng của nhà đầu tư thuộc đối tượng ưu đãi được tính theo công thức sau:* $V_{GTSS} = V_{GT} - V_{GT} X M_{UĐ} \%$ *Trong đó:* *- V_{GTSS}: là giá trị vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng để so sánh, xếp hạng của nhà đầu tư được hưởng ưu đãi;* *- V_{GT}: là giá trị vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng của nhà đầu tư được hưởng ưu đãi đề xuất trong HSDT.* *- $M_{UĐ}$: là mức ưu đãi nhà đầu tư được hưởng theo quy định tại Mục 26.1 CDNĐT".* *c) Trường hợp áp dụng tiêu chuẩn lợi ích xã hội, lợi ích nhà nước để so sánh, xếp hạng thì ghi "phần đề xuất nộp*

	ngân sách nhà nước hoặc khoảng thời gian thực hiện hợp đồng của nhà đầu tư thuộc đối tượng ưu đãi được tính theo một trong hai công thức sau: $T_{GTSS} = T_{GT} + T_{GT} X M_{ƯĐ} \%$ *Trong đó:* *- T_{GTSS}: là giá trị phần đề xuất nộp ngân sách nhà nước để so sánh, xếp hạng của nhà đầu tư được hưởng ưu đãi;* *- T_{GT}: là giá trị phần đề xuất nộp ngân sách nhà nước của nhà đầu tư được hưởng ưu đãi đề xuất trong HSDT.* *- $M_{ƯĐ}$: là mức ưu đãi nhà đầu tư được hưởng theo quy định tại Mục 26.1 CDNĐT.* *Hoặc :* $T_{GTSS} = T_{GT} - T_{GT} X M_{ƯĐ} \%$ *Trong đó:* *- T_{GTSS}: là khoảng thời gian thực hiện hợp đồng để so sánh, xếp hạng của nhà đầu tư được hưởng ưu đãi;* *- T_{GT}: là khoảng thời gian thực hiện hợp đồng của nhà đầu tư được hưởng ưu đãi đề xuất trong HSDT.* *- $M_{ƯĐ}$: là mức ưu đãi nhà đầu tư được hưởng theo quy định tại Mục 26.1 CDNĐT".* *d) Trường hợp áp dụng tiêu chuẩn kết hợp để so sánh, xếp hạng thì ghi rõ tỷ trọng của từng tiêu chuẩn và công thức tính ưu đãi tương ứng được áp dụng nhưng phải đảm bảo tổng tỷ trọng bằng 100% và tổng giá trị ưu đãi không vượt quá 5%].*

CDNĐT 30.1	Thời điểm mở HSĐXKT là:__ giờ__ phút, ngày__ tháng __năm __ *[ghi thời điểm mở thầu bảo đảm bắt đầu trong vòng 01 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu]* tại địa điểm mở thầu theo địa chỉ như sau: - Số nhà/số tầng/số phòng: - Tên đường, phố: - Thành phố:
CDNĐT 33.1	Việc sửa lỗi được thực hiện trên cơ sở các nguyên tắc sau đây: a) Lỗi số học gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá, phí sản phẩm, dịch vụ công hoặc giá trị vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng hoặc giá trị nộp ngân sách hoặc thời gian thực hiện hợp đồng và các tiêu chuẩn tài chính khác. b) Lỗi nhầm đơn vị: - Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong HSMT; - Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu “,” (dấu phẩy) thay cho dấu “.” (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. c) Các lỗi khác: - Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý;

	- Nếu có sự khác biệt giữa những nội dung thuộc đề xuất về kỹ thuật và nội dung thuộc đề xuất về tài chính - thương mại thì nội dung thuộc đề xuất về kỹ thuật sẽ là cơ sở cho việc sửa lỗi.
CDNĐT 33.2	*[Căn cứ tính chất, quy mô, loại hợp đồng dự án cụ thể, bên mời thầu xác định một số nội dung liên quan đến yêu cầu đầu ra tổng thể của việc thực hiện dự án (như quy mô, công suất…) và giới hạn tỷ lệ sai lệch tương ứng để làm cơ sở hiệu chỉnh].*
CDNĐT 34.3	Xếp hạng nhà đầu tư: *[- Trường hợp áp dụng tiêu chuẩn giá, phí sản phẩm, dịch vụ công thì ghi "nhà đầu tư có giá, phí sản phẩm, dịch vụ công thấp nhất được xếp thứ nhất".* *- Trường hợp áp dụng tiêu chuẩn vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng thì ghi "nhà đầu tư đề xuất vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng thấp nhất được xếp thứ nhất."* *- Trường hợp áp dụng tiêu chuẩn lợi ích xã hội, lợi ích Nhà nước thì ghi "nhà đầu tư đề xuất nộp ngân sách nhà nước lớn nhất hoặc thời gian thực hiện hợp đồng ngắn nhất được xếp thứ nhất."* *- Trường hợp áp dụng các tiêu chuẩn kết hợp thì ghi "nhà đầu tư có điểm tổng hợp cao nhất"* *- Trường hợp áp dụng các phương pháp khác, bên mời thầu nghiên cứu, quy định theo nội dung phương pháp đánh giá]* Nhà đầu tư được xếp thứ nhất và được mời vào đàm phán hợp đồng.

CDNĐT 35.4	Nhà đầu tư có_____ *[Ghi:* *- Đề xuất giá, phí sản phẩm, dịch vụ công thấp nhất, không vượt mức giá, phí sản phẩm, dịch vụ công xác định tại báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt, phù hợp với quy định của pháp luật về giá, phí và lệ phí (đối với phương pháp so sánh, xếp hạng dựa trên tiêu chuẩn giá, phí sản phẩm, dịch vụ công), hoặc;* *- Phần vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng thấp nhất và không vượt giá trị vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng xác định tại báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt (đối với phương pháp so sánh, xếp hạng dựa trên tiêu chuẩn vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng), hoặc;* *- Đề xuất nộp ngân sách nhà nước lớn nhất hoặc thời gian thực hiện hợp đồng ngắn nhất (đối với phương pháp so sánh, xếp hạng dựa trên tiêu chuẩn lợi ích xã hội, lợi ích Nhà nước) hoặc tiêu chuẩn phù hợp (đối với phương pháp phương pháp so sánh, xếp hạng dựa trên các tiêu chuẩn kết hợp)]*.
CDNĐT 40.1	a) Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng*:___[bên mời thầu lựa chọn một trong các hình thức đặt cọc, ký quỹ hoặc nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, doanh nghiệp bảo hiểm hoạt động hợp pháp tại Việt Nam]*. Trường hợp quy định bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh thì nhà đầu tư được nộp thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh để bảo đảm trách nhiệm thực hiện hợp đồng. Thư bảo lãnh thực hiện

	hợp đồng hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có). Bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải được lập theo Mẫu số 14 Phần 3 - Dự thảo hợp đồng và biểu mẫu hợp đồng hoặc theo một hình thức khác tương tự nhưng phải gồm đầy đủ các nội dung cơ bản của bảo lãnh dự thầu và được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận. b) Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là___ *[ghi giá trị và đồng tiền cụ thể, bảo đảm giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng từ 1,5% đến 3% tổng mức đầu tư của dự án (đối với dự án có tổng mức đầu tư đến 300 tỷ đồng), từ 1% đến 1,5% tổng mức đầu tư của dự án (đối với dự án có tổng mức đầu tư trên 300 tỷ đồng)]*. c) Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến ngày_____ *[Căn cứ quy mô, tính chất và loại hợp đồng dự án cụ thể mà quy định thời hạn này, ví dụ: Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có hiệu lực từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến ngày doanh nghiệp dự án hoàn thành nghĩa vụ trong giai đoạn xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng được hoàn thành và nghiệm thu hoặc ngày các điều kiện bảo đảm việc cung cấp dịch vụ được hoàn thành theo quy định của hợp đồng]*.

CDNĐT 40.2	- Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng:___ *[ghi cụ thể thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng căn cứ quy mô, tính chất và loại hợp đồng dự án cụ thể.* *Ví dụ: Cơ quan có thẩm quyền phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà đầu tư ngay sau khi hoặc không chậm hơn____ ngày kể từ khi doanh nghiệp dự án hoàn thành nghĩa vụ trong giai đoạn xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng được hoàn thành và nghiệm thu hoặc ngày các điều kiện bảo đảm việc cung cấp dịch vụ được hoàn thành theo quy định của hợp đồng, nhà đầu tư đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định].*
CDNĐT 41.1	Địa chỉ nhận đơn kiến nghị: a) Địa chỉ của bên mời thầu:_____ *[ghi địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại liên hệ của bên mời thầu].* b) Địa chỉ của cơ quan có thẩm quyền:____ *[ghi địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại liên hệ của cơ quan có thẩm quyền sẽ ký kết hợp đồng dự án].* c) Bộ phận thường trực giúp việc của Hội đồng tư vấn: ___ *[ghi địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại liên hệ].*
CDNĐT 43	Thông tin của cá nhân, đơn vị tham gia giám sát, theo dõi:_____ *[ghi đầy đủ tên, địa chỉ số điện thoại, số fax của cá nhân, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ thực hiện giám sát, theo dõi quá trình lựa chọn nhà đầu tư của dự án (nếu có); trường hợp không thực hiện giám sát, theo dõi thì ghi "không áp dụng"].*

CHƯƠNG III. ĐÁNH GIÁ HSDT

A. Đánh giá HSĐXKT

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ HSĐXKT

1.1. Kiểm tra HSĐXKT

a) Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp HSĐXKT;

b) Kiểm tra các thành phần của bản gốc HSĐXKT, gồm: Đơn dự thầu đề xuất về kỹ thuật; tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn dự thầu; giấy ủy quyền (nếu có); thỏa thuận liên danh (nếu có); bảo đảm dự thầu; tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư; đề xuất về kỹ thuật và các thành phần khác thuộc HSĐXKT theo quy định tại Mục 13 CDNĐT;

c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá HSĐXKT.

1.2. Đánh giá tính hợp lệ HSĐXKT

HSĐXKT của nhà đầu tư được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Có bản gốc HSĐXKT;

b) Có đơn dự thầu đề xuất về kỹ thuật được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu (nếu có). Đối với nhà đầu tư liên danh, đơn dự thầu đề xuất về kỹ thuật phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc của thành viên theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có).

Đơn dự thầu đề xuất về kỹ thuật được coi là không hợp lệ nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Không được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu (nếu có), không được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc thành viên thay mặt liên danh ký đơn dự thầu đề xuất về kỹ thuật theo phân công trách

nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) đối với trường hợp liên danh;

- Được ký trước khi bên mời thầu phát hành HSMT, ký trước khi có giấy ủy quyền ký đơn dự thầu đề xuất về kỹ thuật (nếu có), ký trước khi ký thỏa thuận liên danh đối với trường hợp liên danh;

- Kèm theo điều kiện gây bất lợi cho cơ quan có thẩm quyền, bên mời thầu hoặc bỏ sót các nội dung quan trọng nêu trong Mẫu đơn dự thầu đề xuất về kỹ thuật dẫn đến không bảo đảm toàn bộ trách nhiệm và cam kết của nhà đầu tư trong quá trình tham dự thầu và thực hiện hợp đồng nếu được công nhận trúng thầu.

c) Trường hợp liên danh, có thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) và trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ trách nhiệm của thành viên đứng đầu liên danh và trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên liên danh theo Mẫu số 03 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu;

d) Nhà đầu tư không có tên trong hai hoặc nhiều HSĐXKT với tư cách là nhà đầu tư độc lập hoặc thành viên liên danh;

đ) Nhà đầu tư không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động đầu tư theo phương thức PPP theo quy định của pháp luật về đầu tư PPP, không phải là nhà thầu đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

e) Thời hạn hiệu lực của HSĐXKT đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 18 CDNĐT;

g) Có bảo đảm dự thầu với giá trị và thời hạn hiệu lực đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 17.1 CDNĐT. Trường hợp quy định bảo đảm dự thầu theo hình thức thư bảo lãnh thì nhà đầu tư được nộp thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh để bảo đảm trách nhiệm tham dự thầu. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Không được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có);

- Được ký trước khi bên mời thầu phát hành HSMT, ký trước khi có giấy ủy quyền ký thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (nếu có), ký trước khi ký thỏa thuận liên danh đối với trường hợp liên danh;

- Có giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực không đáp ứng yêu cầu của HSMT; tên, địa chỉ của đơn vị thụ hưởng bảo lãnh không đúng theo yêu cầu của HSMT;

- Kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời thầu; bỏ sót nội dung quan trọng nêu trong Mẫu thư bảo lãnh dự thầu dẫn đến không bảo đảm toàn bộ trách nhiệm của nhà đầu tư trong quá trình tham dự thầu hoặc dẫn đến bên mời thầu không thu được giá trị bảo đảm dự thầu trong các trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 33 của Luật PPP;

h) Nhà đầu tư bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 CDNĐT.

Nhà đầu tư có HSĐXKT được coi là "Hợp lệ" khi tất cả nội dung được đánh giá là "Đáp ứng". HSĐXKT của nhà đầu tư được coi là "Không hợp lệ" khi bất kỳ một nội dung được đánh giá là "Không đáp ứng" và khi đó, HSĐXKT của nhà đầu tư sẽ bị loại. Nhà đầu tư có HSĐXKT hợp lệ được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

Mục 2. Đánh giá về lịch sử tranh chấp, khiếu kiện đối với các hợp đồng đã và đang thực hiện

Nhà đầu tư phải kê khai lịch sử tranh chấp, khiếu kiện đối với các hợp đồng đã và đang thực hiện theo Mẫu số 05 Chương IV – Biểu mẫu dự thầu. Nhà đầu tư bảo đảm việc kê khai nội dung này là đầy đủ và trung thực, nếu bên mời thầu phát hiện bất cứ nhà đầu tư nào đang có các vụ kiện tụng mà không kê khai thì được coi là hành vi gian lận theo quy định tại khoản 11 Điều 10 Luật PPP và HSDT sẽ bị loại. Trường hợp sau khi có kết quả giải quyết tranh chấp dẫn đến vốn chủ sở hữu của

nhà đầu tư không đáp ứng yêu cầu để thực hiện dự án thì nhà đầu tư phải cập nhật vốn chủ sở hữu để chứng minh đáp ứng yêu cầu thực hiện dự án theo HSMT, nếu nhà đầu tư vẫn không đáp ứng sẽ bị loại.

Mục 3. Đánh giá về năng lực, kinh nghiệm

3.1. Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm sử dụng phương pháp chấm điểm theo thang điểm___ *[quy định là 100 hoặc 1.000]* trong đó mức yêu cầu tối thiểu để đáp ứng yêu cầu là___ % tổng số điểm *[quy định giá trị % nhưng không được thấp hơn 60%]* và điểm đánh giá của từng nội dung yêu cầu cơ bản tối thiểu là___ % điểm tối đa của nội dung đó *[quy định giá trị % nhưng không thấp hơn 50%]*.

3.2. Đối với nhà đầu tư liên danh:

a) Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư liên danh bằng tổng vốn chủ sở hữu của các thành viên liên danh. Từng thành viên liên danh phải đáp ứng yêu cầu tương ứng với phần góp vốn chủ sở hữu theo thỏa thuận liên danh; nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh được đánh giá là không đáp ứng thì nhà đầu tư liên danh được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về vốn chủ sở hữu.

Nhà đầu tư đứng đầu liên danh phải có tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu tối thiểu là 30%, từng thành viên liên danh có tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu tối thiểu là 15%.

b) Tổng giá trị vốn chủ sở hữu và vốn vay nhà đầu tư có khả năng thu xếp được đánh giá theo tổng giá trị vốn chủ sở hữu và vốn vay các thành viên liên danh có khả năng thu xếp.

c) Kinh nghiệm thực hiện dự án của nhà đầu tư liên danh bằng tổng số dự án của các thành viên liên danh đã thực hiện. Đối với kinh nghiệm vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng để cung cấp sản phẩm, dịch vụ công, phải có ít nhất một thành viên liên danh có kinh nghiệm vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng để cung cấp sản phẩm, dịch vụ công đáp ứng yêu cầu của dự án đang xét. Trường hợp sử dụng đối tác, phải có thỏa thuận hợp tác được ký kết giữa nhà đầu tư đứng đầu liên danh và đối tác.

3.3. Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư được thực hiện theo Bảng số 01 dưới đây:

Bảng số 01

TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết[1]	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu	Tài liệu cần nộp
I. Năng lực tài chính ***(chiếm tỷ trọng 50 - 60% tổng số điểm)***						
1	Vốn chủ sở hữu[2]				Vốn chủ sở hữu tối thiểu nhà đầu tư phải thu xếp là: ___ *[ghi giá trị vốn chủ sở hữu tối thiểu của nhà đầu tư theo quy định tại Mục 1.2* ***BDL****]*	Mẫu số 06
2	Tổng giá trị vốn chủ sở hữu và vốn vay nhà đầu tư có khả năng thu xếp[3]				Tổng giá trị vốn chủ sở hữu và vốn vay nhà đầu tư có khả năng thu xếp tối thiểu là:__ *[ghi giá trị theo quy định tại Mục 1.2* ***BDL****]*	Mẫu số 06 và Mẫu số 07

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết[1]	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu	Tài liệu cần nộp
II. Kinh nghiệm thực hiện dự án của nhà đầu tư *(chiếm tỷ trọng 40 - 50% tổng số điểm)* [4]						
3	Kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự (không áp dụng đối với loại hợp đồng O&M)				Số lượng dự án mà nhà đầu tư tham gia với vai trò là nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu hoặc nhà thầu chính:_____ dự án *[ghi số lượng theo yêu cầu]* để đạt điểm yêu cầu tối thiểu. Cách xác định dự án như sau[5]: a) Loại 1: Dự án trong lĩnh vực_____ *[ghi lĩnh vực tương tự với lĩnh vực của dự án đang xét]* mà nhà đầu tư tham gia với vai trò nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu, đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng___ năm trở lại đây *[ghi số năm, thông thường trong khoảng từ 05 - 07 năm trước*	Mẫu số 08

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết[(1)]	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu	Tài liệu cần nộp
					năm có thời điểm đóng thầu] và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: - Có tổng mức đầu tư tối thiểu là_____ *[ghi giá trị, thông thường trong khoảng 50% -70% tổng mức đầu tư của dự án đang xét]*. - Nhà đầu tư đã góp vốn chủ sở hữu với giá trị tối thiểu là_____ *[ghi giá trị, thông thường trong khoảng 50% - 70% yêu cầu về vốn chủ sở hữu của dự án đang xét theo quy định tại Mục 1.2* ***BDL*** *].* b) Loại 2: Dự án đầu tư theo phương thức PPP; dự án đầu tư để cung cấp sản phẩm, dịch vụ công mà nhà đầu tư tham gia với vai trò nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu, đã hoàn	

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết[(1)]	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu	Tài liệu cần nộp
					thành hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng___ năm trở lại đây *[ghi số năm, thông thường trong khoảng từ 05 - 07 năm trước năm có thời điểm đóng thầu]* và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: - Có tổng mức đầu tư tối thiểu là_____ *[ghi giá trị, thông thường trong khoảng 50% - 70% tổng mức đầu tư của dự án đang xét]*. - Nhà đầu tư đã góp vốn chủ sở hữu với giá trị tối thiểu là_____ *[ghi giá trị, thông thường trong khoảng 50% - 70% yêu cầu về vốn chủ sở hữu của dự án đang xét theo quy định tại Mục 1.2* ***BDL*** *].*	

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết[(1)]	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu	Tài liệu cần nộp
					c) Loại 3: Dự án trong lĩnh vực tương tự mà nhà đầu tư tham gia với vai trò là nhà thầu chính xây lắp, đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng___ năm trở lại đây *[ghi số năm, thông thường trong khoảng từ 03 - 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu]* và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: - Có phạm vi công việc tương tự với phần công việc chính của dự án đang xét_____ *[bên mời thầu quy định cụ thể tính chất tương tự];* - Có giá trị tối thiểu là____ *[ghi giá trị, thông thường trong khoảng 30% - 70% giá trị công việc tương ứng của dự án đang xét].*	

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết[(1)]	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu	Tài liệu cần nộp
					d) Loại 4: Dự án trong lĩnh vực phát triển kết cấu hạ tầng, cung cấp dịch vụ công mà nhà đầu tư tham gia với vai trò là nhà thầu chính, đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng___ năm trở lại đây *[ghi số năm, thông thường trong khoảng từ 03 - 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu]* và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: - Có phạm vi công việc tương tự với phần công việc chính của dự án đang xét_____ *[bên mời thầu quy định cụ thể tính chất tương tự];* - Có giá trị tối thiểu là____ *[ghi giá trị, thông thường trong khoảng 30% - 70% giá trị công việc tương ứng của dự án đang xét].*	

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết(1)	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu	Tài liệu cần nộp
4	Kinh nghiệm vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng để cung cấp sản phẩm, dịch vụ công(6)				Số lượng dự án (trong đó gồm nội dung công việc vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng để cung cấp sản phẩm, dịch vụ công) tương tự trong lĩnh vực_____ *[ghi lĩnh vực tương tự với lĩnh vực của dự án đang xét]* mà nhà đầu tư tham gia với vai trò là nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu hoặc nhà thầu chính, đối tác: _____ dự án *[ghi số lượng theo yêu cầu]* để đạt điểm yêu cầu tối thiểu. Cách xác định dự án như sau(7): a) Loại 1: Dự án mà nhà đầu tư đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng___ năm trở lại đây *[ghi số năm, thông*	Mẫu số 08

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết[(1)]	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu	Tài liệu cần nộp
					thường trong khoảng từ 05 - 07 năm trước năm có thời điểm đóng thầu] với vai trò là nhà đầu tư và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: - Có tổng mức đầu tư tối thiểu là_____ *[ghi giá trị, thông thường trong khoảng 50% - 70% tổng mức đầu tư của dự án đang xét]* - Nhà đầu tư đã góp vốn chủ sở hữu với giá trị tối thiểu là__ *[ghi giá trị, thông thường trong khoảng 50% - 70% yêu cầu về vốn chủ sở hữu của dự án đang xét theo quy định tại Mục 1.2* ***BDL*** *].* b) Loại 2: Dự án/gói thầu/hợp đồng mà nhà đầu đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng___ năm trở lại đây *[ghi số năm,*	

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết(1)	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu	Tài liệu cần nộp
					thông thường trong khoảng từ 03 - 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu] với vai trò là nhà thầu chính vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng để cung cấp sản phẩm, dịch vụ công với giá trị tối thiểu là____ *[ghi giá trị, thông thường trong khoảng 30% - 70% giá trị công việc tương ứng của dự án đang xét]*. c) Loại 3 (không áp dụng đối với loại hợp đồng O&M): Dự án đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng___ năm trở lại đây *[ghi số năm, thông thường trong khoảng từ 03 – 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu]* của đối tác (đối với trường hợp nhà	

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết(1)	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu	Tài liệu cần nộp
					đầu tư có thỏa thuận hợp tác với đối tác để tham gia thực hiện công việc vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng để cung cấp sản phẩm, dịch vụ công trong dự án đang xét) với giá trị hoặc tổng mức đầu tư tối thiểu bằng_____ *[ghi giá trị, thông thường trong khoảng 50% - 70% tổng mức đầu tư của dự án đang xét]*.	
5	Kinh nghiệm thực hiện dự án PPP tương tự tại các nước thuộc Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (Organization for Economic Cooperation and Development - OECD)(8)				Số lượng dự án đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng___ năm trở lại đây *[ghi số năm, thông thường trong khoảng từ 03 – 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu]* mà nhà đầu tư tham gia với vai trò nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu là_____ dự án	Mẫu số 08

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết(1)	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu	Tài liệu cần nộp
					[ghi số lượng theo yêu cầu] để đạt điểm yêu cầu tối thiểu và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: - Trong lĩnh vực_____ *[ghi lĩnh vực tương tự với lĩnh vực của dự án đang xét];* - Có tổng mức đầu tư tối thiểu là_____ *[ghi giá trị tương đương, thông thường trong khoảng 50% - 70% tổng mức đầu tư của dự án đang xét].*	
III. Các tiêu chuẩn khác(9)						

Ghi chú:

(1) Bên mời thầu quy định chi tiết hơn thang điểm đánh giá đối với từng tiêu chí.

[Ví dụ: Đối với tiêu chí "Kinh nghiệm của nhà đầu tư", bên mời thầu có thể quy định thang điểm chi tiết như sau:

- Nhà đầu tư đã thực hiện 1-2 dự án: 50% điểm tối đa;

- Nhà đầu tư đã thực hiện 3-4 dự án: 70% điểm tối đa;

- Nhà đầu tư đã thực hiện từ 5 dự án trở lên: 100% điểm tối đa.]

(2) Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được xác định trên cơ sở các số liệu tài chính trong báo cáo tài chính năm gần nhất của nhà đầu tư đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán và báo cáo tài chính giữa niên độ theo quy định của pháp luật đã được kiểm toán (nếu có). Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức mới thành lập trong năm, vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được xác định căn cứ vào báo cáo tài chính đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán trong khoảng thời gian kể từ thời điểm thành lập đến trước thời điểm đóng thầu hoặc báo cáo tài chính giữa niên độ tại thời điểm gần nhất trước thời điểm đóng thầu theo quy định của pháp luật đã được kiểm toán. Trường hợp đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ góp vốn chủ sở hữu thì đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ có văn bản cam kết và báo cáo tài chính chứng minh đảm bảo đủ vốn chủ sở hữu để góp vốn theo phương án tài chính của dự án PPP.

Trường hợp tại cùng một thời điểm nhà đầu tư tham gia đầu tư nhiều dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có), nhà đầu tư lập danh mục dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác, bảo đảm tổng vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư đáp ứng đủ cho toàn bộ số vốn chủ sở hữu nhà đầu tư cam kết thực hiện cho tất cả dự án và khoản đầu tư tài chính dài hạn khác theo quy định.

Tại thời điểm ký kết hợp đồng dự án PPP, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP có trách nhiệm gửi cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng dự án PPP

phương án đảm bảo huy động đủ vốn chủ sở hữu và các tài liệu chứng minh đảm bảo đáp ứng yêu cầu về vốn chủ sở hữu theo quy định tại hợp đồng dự án PPP, làm cơ sở giám sát huy động vốn của nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP.

Nhà đầu tư phải kê khai thông tin, cung cấp các tài liệu về năng lực tài chính theo Mẫu số 06 và cung cấp cam kết về việc huy động vốn chủ sở hữu theo Mẫu số 07 tại Chương V – Biểu mẫu dự thầu.

(3) Nhà đầu tư phải cung cấp cam kết huy động vốn vay theo Mẫu số 07 tại Chương IV – Biểu mẫu dự thầu. Nhà đầu tư nộp kèm theo văn bản cam kết cung cấp tài chính của ngân hàng, tổ chức tín dụng hoặc bên cho vay khác theo quy định của pháp luật đối với phần nghĩa vụ tài chính còn lại (ngoài vốn chủ sở hữu) thuộc trách nhiệm thu xếp của nhà đầu tư.

(4) Kinh nghiệm của nhà đầu tư:

(i) Các dự án/gói thầu nhà đầu tư thực hiện phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng theo hợp đồng đã ký kết mới được xem xét, đánh giá.

(ii) Hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn:

- Đối với dự án, gói thầu có cấu phần xây dựng: đã được xác nhận hoàn thành hoặc nghiệm thu hạng mục công trình, công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng hoặc đang trong giai đoạn vận hành hoặc đã kết thúc theo quy định.

- Đối với dự án, gói thầu không có cấu phần xây dựng: đang trong giai đoạn vận hành hoặc đã kết thúc theo quy định.

(iii) Đối với dự án có quy mô đầu tư lớn, không có nhà đầu tư có kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự, bên mời thầu căn cứ dữ liệu về các dự án đã thực hiện, khả năng phân kỳ đầu tư của dự án đang xét để xác định yêu cầu về kinh nghiệm của nhà đầu tư. Trong trường hợp này, yêu cầu về kinh nghiệm của nhà đầu tư có thể được chỉnh sửa theo hướng thấp hơn so với hướng dẫn nhưng phải bảo đảm phù hợp với thực tế cũng như yêu cầu thực hiện dự án. Trong quá trình xem xét, đánh giá, bên mời thầu phải bảo đảm nhà đầu tư có đầy đủ năng

lực tài chính, năng lực kỹ thuật để thực hiện dự án. Yêu cầu thực hiện dự án trong HSMT cũng như hợp đồng phải bảo đảm quy định đầy đủ trách nhiệm của nhà đầu tư cũng như biện pháp xử lý (xử phạt, đền bù thiệt hại, xử lý trong giai đoạn tiếp theo) trong trường hợp nhà đầu tư thực hiện dự án không đáp ứng yêu cầu về tiến độ, chất lượng. Cơ quan có thẩm quyền có thể quy định giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 3% tổng mức đầu tư của dự án.

(5), (7) Nhà đầu tư chỉ được trích dẫn kinh nghiệm thực hiện một dự án tương tự một lần duy nhất trong tiêu chuẩn này.

Cách thức quy đổi các dự án:_____ *[bên mời thầu quy định 01 dự án thuộc loại 2 hoặc 3 bằng tối đa 0,75 dự án thuộc loại 1; 01 dự án thuộc loại 4 bằng tối đa 0,5 dự án thuộc loại 1 và cách thức làm tròn số trong trường hợp số lượng dự án được quy đổi là số lẻ]*.

(6) Trường hợp dự án được kê khai để chứng minh kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự, trong đó gồm công việc vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng để cung cấp sản phẩm, dịch vụ công thì được sử dụng để chứng minh tính đáp ứng đối với tiêu chuẩn này.

Trường hợp nhà đầu tư sử dụng đối tác cùng thực hiện dự án, nhà đầu tư phải cung cấp hợp đồng nguyên tắc, thỏa thuận giữa nhà đầu tư và đối tác hoặc cam kết của đối tác về việc tham gia thực hiện dự án.

(8) Tiêu chuẩn này chỉ áp dụng đối với lựa chọn nhà đầu tư quốc tế. Căn cứ tính chất, yêu cầu cụ thể của dự án bên mời thầu xác định tiêu chí ưu tiên và tỷ trọng điểm phù hợp.

(9) Căn cứ quy mô, tính chất, loại hợp đồng dự án cụ thể và điều kiện riêng biệt (nếu có) của dự án, bên mời thầu đưa ra các tiêu chí phù hợp khác như: giá trị tài sản ròng, doanh thu, lợi nhuận... Trong trường hợp này, bên mời thầu phải nêu rõ yêu cầu và thang điểm chi tiết để làm cơ sở đánh giá.

Mục 4. Đánh giá về mặt kỹ thuật

4.1. Phương pháp đánh giá

[Bên mời thầu quy định cụ thể việc sử dụng phương pháp chấm điểm theo thang điểm 100 hoặc 1.000 hoặc phương pháp đánh giá đạt, không đạt đánh giá về kỹ thuật.

- Trường hợp sử dụng phương pháp chấm điểm theo thang điểm 100 hoặc 1.000, ghi: Việc đánh giá về mặt kỹ thuật sử dụng phương pháp chấm điểm theo thang điểm___ *[quy định là 100 hoặc 1.000]* trong đó mức tối thiểu để đáp ứng yêu cầu là___ % tổng số điểm *[quy định giá trị nhưng không được thấp hơn 70%]* và điểm đánh giá của từng nội dung yêu cầu về chất lượng, khối lượng; vận hành, quản lý, kinh doanh, bảo trì, bảo dưỡng; môi trường và an toàn… là___ % điểm tối đa của nội dung đó *[quy định giá trị nhưng không được thấp hơn 60%]*.

- Trường hợp sử dụng phương pháp đánh giá đạt, không đạt, ghi: Việc đánh giá về mặt kỹ thuật sử dụng phương pháp đánh giá đạt, không đạt. Tiêu chuẩn đánh giá là các tiêu chuẩn đánh giá tổng quát, gồm: các tiêu chuẩn chi tiết cơ bản, chiếm___ % tổng số các tiêu chuẩn chi tiết trong tiêu chuẩn tổng quát đó *[quy định giá trị nhưng không được thấp hơn 70%];* các tiêu chuẩn chi tiết không cơ bản, chiếm___ % tổng số các tiêu chuẩn chi tiết trong tiêu chuẩn tổng quát đó *[quy định giá trị nhưng không được cao hơn 30%]*. Các tiêu chuẩn tổng quát được đánh giá theo tiêu chí đạt, không đạt. Các tiêu chuẩn chi tiết cơ bản được đánh giá theo tiêu chí đạt, không đạt. Các tiêu chuẩn chi tiết không cơ bản được đánh giá theo tiêu chí đạt, không đạt, chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chuẩn chi tiết trong tiêu chuẩn tổng quát đó. Tiêu chuẩn tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả tiêu chuẩn chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chuẩn chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.*]*

4.2. Tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật

[Căn cứ quy mô, tính chất và loại hợp đồng dự án cụ thể, bên mời thầu quy định cụ thể các tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật theo phương pháp đánh giá được áp dụng theo quy định tại Mục 4.1 Chương này. Bên mời thầu yêu cầu nhà đầu tư thuyết minh về kế hoạch và phương pháp triển khai thực hiện dự án để đánh giá sự phù hợp, khả thi đề xuất của nhà đầu tư đối với các nội dung sau đây:

4.2.1. Tiêu chuẩn về mặt kỹ thuật, công nghệ, chất lượng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng (không áp dụng đối với dự án áp dụng loại hợp đồng O&M):

a) Yêu cầu về phương án kỹ thuật, công nghệ trên cơ sở quy mô, công suất của dự án; tiêu chuẩn chất lượng, định mức của ngành; tính sẵn có và khả năng ứng dụng thực tiễn của công nghệ; rủi ro về kỹ thuật, công nghệ (nếu có) (không áp dụng đối với loại hợp đồng O&M);

b) Phương án về việc cung cấp nguyên liệu đầu vào chủ yếu cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh;

c) Nhà đầu tư có thể đề xuất phương án kỹ thuật, công nghệ khác đáp ứng chỉ số đánh giá chất lượng thực hiện dự án về mặt kỹ thuật và mang lại hiệu quả cao hơn cho dự án.

4.2.2. Tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm, dịch vụ công, trong đó gồm yêu cầu về việc bảo đảm tính liên tục trong quá trình cung cấp sản phẩm, dịch vụ công:

a) Yêu cầu về chất lượng sản phẩm, dịch vụ công cung cấp thông qua chỉ số đánh giá chất lượng thực hiện dự án về mặt kỹ thuật.

b) Yêu cầu về phương thức giám sát để bảo đảm cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ổn định, liên tục, đạt chất lượng đáp ứng nhu cầu của người sử dụng.

c) Yêu cầu cung cấp bảo lãnh bảo đảm tính liên tục (nếu cần thiết);

4.2.3. Tiêu chuẩn về phương án tổ chức vận hành, kinh doanh, bảo trì, bảo dưỡng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng:

a) Yêu cầu về phương án tổ chức vận hành, quản lý và kinh doanh sản phẩm, hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của dự án.

b) Yêu cầu về phương án để cơ quan có thẩm quyền phối hợp với nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án trong quá trình kinh doanh hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ của dự án.

4.2.4. Tiêu chuẩn về phương án bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Yêu cầu về phương án bảo vệ môi trường và an toàn mà nhà đầu tư phải bảo đảm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình xây dựng (không áp dụng đối với loại hợp đồng O&M), quản lý, vận hành, cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ công.

b) Yêu cầu về đánh giá tác động tiêu cực đối với môi trường và biện pháp khắc phục;

4.2.5. Tiêu chuẩn về mặt kỹ thuật khác (nếu cần thiết).

Ngoài các tiêu chuẩn nêu trên, trong quá trình xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật, bên mời thầu có thể điều chỉnh, bổ sung các tiêu chuẩn về kỹ thuật khác phù hợp với tính chất, lĩnh vực, đặc điểm dự án cụ thể.

4.2.6. Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công làm vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng:

a) Trường hợp sử dụng theo phương thức tách thành tiểu dự án thì bên mời thầu cần cụ thể hóa các tiêu chuẩn sau đây để làm cơ sở đánh giá: Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công tiểu dự án phù hợp với thiết kế sau thiết kế cơ sở được duyệt, bảo đảm phù hợp, đồng bộ, kết nối với các công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng khác trong dự án PPP...;

b) Trường hợp sử dụng theo phương thức bố trí vào hạng mục cụ thể thì bên mời thầu phải yêu cầu nhà đầu tư xác định cụ thể hạng mục sẽ sử dụng vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng trong HSĐXKT.]

B. Đánh giá HSĐXTCTM

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ HSĐXTCTM

1.1. Kiểm tra HSĐXTCTM

a) Kiểm tra số lượng bản chụp HSĐXTCTM;

b) Kiểm tra các thành phần của bản gốc HSĐXTCTM, gồm: Đơn dự thầu thuộc HSĐXTCTM, các thành phần khác thuộc HSĐXTCTM theo quy định tại Mục 15 CDNĐT;

c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá HSĐXTCTM.

1.2. Đánh giá tính hợp lệ HSĐXTCTM

b) Có đơn dự thầu đề xuất tài chính - thương mại được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu (nếu có). Đối với nhà đầu tư liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc của thành viên theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có);

Đơn dự thầu đề xuất về tài chính - thương mại được coi là không hợp lệ nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Không được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu (nếu có), không được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc thành viên thay mặt liên danh ký đơn dự thầu đề xuất về tài chính - thương mại theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) đối với trường hợp liên danh;

- Được ký trước khi bên mời thầu phát hành HSMT, ký trước khi có giấy ủy quyền ký đơn dự thầu đề xuất về tài chính - thương mại (nếu có), ký trước khi ký thỏa thuận liên danh đối với trường hợp liên danh;

- Kèm theo điều kiện gây bất lợi cho cơ quan có thẩm quyền, bên mời thầu hoặc bỏ sót các nội dung quan trọng nêu trong Mẫu đơn đề xuất tài chính - thương

mại dẫn đến không bảo đảm toàn bộ trách nhiệm và cam kết của nhà đầu tư trong quá trình tham dự thầu và thực hiện hợp đồng nếu được công nhận trúng thầu.

c) Giá trị về tổng mức đầu tư; giá, phí sản phẩm, dịch vụ công (nếu có); vốn nhà nước hỗ trợ (nếu có); nộp ngân sách nhà nước hoặc thời gian thực hiện hợp đồng ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với phương án tài chính của nhà đầu tư; không đề xuất các giá trị hoặc khoảng thời gian khác nhau đối với cùng một nội dung hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho cơ quan có thẩm quyền, bên mời thầu;

d) Hiệu lực của HSĐXTCTM đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 18 CDNĐT.

Nhà đầu tư có HSĐXTCTM được coi là "Hợp lệ" khi tất cả nội dung được đánh giá là "Đáp ứng". HSĐXTCTM của nhà đầu tư được coi là "Không hợp lệ" khi có bất kỳ một nội dung được đánh giá là "Không đáp ứng" và khi đó, HSĐXTCTM của nhà đầu tư đó bị loại.

Nhà đầu tư có HSĐXTCTM hợp lệ sẽ được đánh giá về tài chính - thương mại và xếp hạng nhà đầu tư.

Mục 2. Đánh giá về tài chính - thương mại

1. Sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch

Việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định tại Mục 33 CDNĐT.

2.2. Phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá về tài chính - thương mại

2.2.1. Căn cứ quy mô, tính chất và loại hợp đồng dự án cụ thể, bên mời thầu phải xác định một trong các phương pháp dưới đây để so sánh, xếp hạng nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về tài chính - thương mại:

[2.2.1.1. Phương pháp so sánh, xếp hạng dựa trên tiêu chuẩn giá, phí sản phẩm, dịch vụ công

Phương pháp so sánh, xếp hạng dựa trên tiêu chuẩn giá, phí sản phẩm, dịch vụ công được áp dụng đối với dự án mà giá, phí sản phẩm, dịch vụ công là tiêu

chuẩn để đánh giá về tài chính - thương mại, các nội dung khác như tiêu chuẩn đối với tài sản, dịch vụ thuộc dự án; thời gian thực hiện hợp đồng và các yếu tố có liên quan đã được xác định rõ trong HSMT. Phương pháp so sánh, xếp hạng dựa trên tiêu chuẩn giá, phí sản phẩm, dịch vụ công thường được áp dụng đối với các trường hợp:

a) Căn cứ quy mô, tính chất và loại hợp đồng dự án cụ thể và quy định của pháp luật về giá, phí, bên mời thầu quy định cấu trúc giá, phí sản phẩm, dịch vụ công, lộ trình điều chỉnh mức giá, phí dịch vụ (gồm điều kiện điều chỉnh và mốc điều chỉnh) để làm cơ sở đánh giá, so sánh một cách công bằng giá, phí sản phẩm, dịch vụ công của các nhà đầu tư

b) Dự án có công thức chuyển đổi mức giá, phí dịch vụ ở các thời điểm khác nhau trong suốt vòng đời dự án về cùng một thời điểm để so sánh.

Nhà đầu tư đề xuất giá, phí sản phẩm, dịch vụ công thấp nhất được xếp thứ nhất và được đề nghị trúng thầu.

Trường hợp nhà đầu tư thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì phải tính toán giá, phí sản phẩm, dịch vụ công của nhà đầu tư đó trước khi thực hiện bước xếp hạng nhà đầu tư theo công thức quy định tại Mục 26.3 CDNĐT.

2.2.1.2. Phương pháp so sánh, xếp hạng dựa trên tiêu chuẩn vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng (không áp dụng đối với dự án PPP có tiểu dự án sử dụng vốn đầu tư công theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 70 của Luật PPP)

Phương pháp so sánh, xếp hạng dựa trên tiêu chuẩn vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng được áp dụng đối với dự án mà vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng là tiêu chí để đánh giá về tài chính - thương mại, các nội dung khác như tiêu chuẩn đối với tài sản, dịch vụ thuộc dự án, thời gian hoàn vốn, giá, phí sản phẩm, dịch vụ công và các yếu tố có liên quan đã được xác định rõ trong HSMT.

Nhà đầu tư đề xuất vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng thấp nhất được xếp thứ nhất và được đề nghị trúng thầu.

Trường hợp nhà đầu tư thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì phải tính toán giá trị vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng của nhà đầu tư đó trước khi thực hiện bước xếp hạng nhà đầu tư theo công thức quy định tại Mục 26.3 CDNĐT.

2.2.1.3. Phương pháp so sánh, xếp hạng dựa trên tiêu chuẩn lợi ích xã hội, lợi ích nhà nước

Phương pháp so sánh, xếp hạng dựa trên tiêu chuẩn lợi ích xã hội, lợi ích Nhà nước là phương pháp để đánh giá nhà đầu tư đề xuất phương án thực hiện dự án có hiệu quả đầu tư cao nhất, các nội dung khác có liên quan đã được xác định rõ trong HSMT. Hiệu quả đầu tư được đánh giá thông qua tiêu chí đề xuất nộp ngân sách nhà nước bằng tiền cao nhất hoặc đề xuất thời gian thực hiện hợp đồng ngắn nhất.

Nhà đầu tư đề xuất nộp ngân sách nhà nước cao nhất hoặc thời gian thực hiện hợp đồng ngắn nhất được xếp thứ nhất và được đề nghị trúng thầu.

Trường hợp nhà đầu tư thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì phải tính toán giá trị đề xuất nộp ngân sách nhà nước hoặc khoảng thời gian thực hiện hợp đồng của nhà đầu tư đó trước khi thực hiện bước xếp hạng nhà đầu tư theo công thức quy định tại Mục 26.3 CDNĐT.

2.2.1.4. Phương pháp so sánh, xếp hạng dựa trên các tiêu chuẩn kết hợp

a) Kết hợp tiêu chuẩn giá, phí sản phẩm, dịch vụ công và tiêu chuẩn vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng

- Xác định điểm của giá, phí sản phẩm, dịch vụ công

Điểm giá, phí sản phẩm, dịch vụ công được xác định theo công thức sau:

Điểm giá, phí sản phẩm, dịch vụ công $_{đang\ xét}$ ***= [Giá, phí sản phẩm, dịch vụ công*** $_{thấp\ nhất}$ ***/ Giá, phí sản phẩm, dịch vụ công*** $_{đang\ xét}$***] x (100 hoặc 1.000)***

Trong đó:

+ Điểm giá, phí sản phẩm, dịch vụ công $_{đang\ xét}$*: Là điểm giá, phí sản phẩm, dịch vụ công của HSĐXTCTM đang xét;*

+ Giá, phí sản phẩm, dịch vụ công$_{thấp\ nhất}$: Là giá, phí sản phẩm, dịch vụ công thấp nhất trong số các nhà đầu tư được đánh giá về tài chính - thương mại;

+ Giá, phí sản phẩm, dịch vụ công$_{đang\ xét}$: Là giá, phí sản phẩm, dịch vụ công của HSĐXTCTM đang xét.

- Xác định điểm của giá trị vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng

Điểm của giá trị vốn nhà nước được xác định theo công thức sau:

Điểm của giá trị vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng$_{đang\ xét}$ = (Giá trị vốn nhà nước tối đa - Giá trị vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng $_{đang\ xét}$)/(Giá trị vốn nhà nước tối đa) x (100 hoặc 1.000)

Trong đó:

+ Điểm của giá trị vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng$_{đang\ xét}$: Là điểm của giá trị vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng của HSĐXTCTM đang xét;

+ Giá trị vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng$_{đang\ xét}$: Là giá trị vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng của HSĐXTCTM đang xét.

+ Giá trị vốn nhà nước tối đa theo quy định của HSMT.

- Xác định điểm tổng hợp

Điểm tổng hợp$_{đang\ xét}$ = K x Điểm giá, phí sản phẩm, dịch vụ công $_{đang\ xét}$ + G x Điểm của giá trị vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng $_{đang\ xét}$

Trong đó:

+ Điểm giá, phí sản phẩm, dịch vụ công$_{đang\ xét}$: Là số điểm tại bước xác định điểm của giá, phí sản phẩm, dịch vụ công;

+ Điểm của giá trị vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng$_{đang\ xét}$: Là số điểm tại bước xác định điểm của giá trị vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng;

+ K: Tỷ trọng điểm giá, phí sản phẩm, dịch vụ công quy định trong thang điểm tổng hợp, không được thấp hơn tỷ lệ 20% trong tất cả các trường hợp;

+ G: Tỷ trọng điểm của giá trị vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng trong thang điểm tổng hợp, không được thấp hơn tỷ lệ 20% trong tất cả các trường hợp;

+ K + G = 100%. Tỷ trọng điểm giá, phí sản phẩm, dịch vụ công (K) và Tỷ trọng điểm của giá trị vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng (G) phải được xác định cụ thể trong HSMT.

Trường hợp nhà đầu tư thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì phải tính toán giá trị ưu đãi tương ứng của nhà đầu tư đó trước khi thực hiện bước xếp hạng nhà đầu tư.

- Nhà đầu tư có điểm tổng hợp cao nhất được xếp thứ nhất và được mời vào đàm phán hợp đồng.

b) Kết hợp giữa tiêu chuẩn giá, phí sản phẩm, dịch vụ công và tiêu chuẩn lợi ích xã hội, lợi ích Nhà nước

- Xác định điểm của giá, phí sản phẩm, dịch vụ công

Điểm giá, phí sản phẩm, dịch vụ công được xác định theo công thức sau:

Điểm giá, phí sản phẩm, dịch vụ công $_{đang\ xét}$ ***= [Giá, phí sản phẩm, dịch vụ công*** $_{thấp\ nhất}$ ***/ Giá, phí sản phẩm, dịch vụ công*** $_{đang\ xét}$***] x (100 hoặc 1.000)***

Trong đó:

+ Điểm giá, phí sản phẩm, dịch vụ công $_{đang\ xét}$*: Là điểm giá, phí sản phẩm, dịch vụ công của HSĐXTCTM đang xét;*

+ Giá, phí sản phẩm, dịch vụ công $_{thấp\ nhất}$*: Là giá, phí sản phẩm, dịch vụ công thấp nhất trong số các nhà đầu tư được đánh giá về tài chính - thương mại;*

+ Giá, phí sản phẩm, dịch vụ công $_{đang\ xét}$*: Là giá, phí sản phẩm, dịch vụ công của HSĐXTCTM đang xét.*

- Xác định điểm của giá trị phần nộp ngân sách nhà nước

Điểm của giá trị nộp ngân sách nhà nước được xác định theo công thức sau:

Điểm giá trị nộp ngân sách nhà nước $_{đang\ xét}$ ***= [Giá trị nộp ngân sách nhà nước*** $_{đang\ xét}$ ***/Giá trị nộp ngân sách nhà nước*** $_{cao\ nhất}$***] x (100 hoặc 1.000)***

Trong đó:

+ Điểm giá trị nộp ngân sách nhà nước $_{đang\ xét}$*: Là điểm giá trị nộp ngân sách nhà nước của HSĐXTCTM đang xét;*

+ Giá trị nộp ngân sách nhà nước$_{cao\ nhất}$*: Là giá trị nộp ngân sách nhà nước cao nhất trong số các nhà đầu tư được đánh giá về tài chính - thương mại;*

+ Giá trị nộp ngân sách nhà nước$_{đang\ xét}$*: Là giá trị nộp ngân sách nhà nước của HSĐXTCTM đang xét.*

- Xác định điểm tổng hợp.

Điểm tổng hợp$_{đang\ xét}$ ***= K x Điểm giá, phí sản phẩm, dịch vụ công*** $_{đang\ xét}$ ***+ H x Điểm giá trị nộp ngân sách nhà nước*** $_{đang\ xét}$

Trong đó:

+ Điểm giá, phí sản phẩm, dịch vụ công $_{đang\ xét}$*: Là số điểm tại bước xác định điểm của giá, phí sản phẩm, dịch vụ công;*

+ Điểm giá trị nộp ngân sách nhà nước $_{đang\ xét}$*: Là số điểm tại bước xác định điểm của giá trị nộp ngân sách nhà nước;*

+ K: Tỷ trọng điểm giá, phí sản phẩm, dịch vụ công quy định trong thang điểm tổng hợp, không được thấp hơn tỷ lệ 20% trong tất cả các trường hợp;

+ H: Tỷ trọng điểm của giá trị nộp ngân sách nhà nước trong thang điểm tổng hợp, không được thấp hơn tỷ lệ 20% trong tất cả các trường hợp;

+ K + H = 100%. Tỷ trọng điểm giá, phí sản phẩm, dịch vụ công (K) và Tỷ trọng điểm của giá trị nộp ngân sách nhà nước (H) phải được xác định cụ thể trong HSMT.

- Nhà đầu tư có điểm tổng hợp cao nhất được xếp thứ nhất và được mời vào đàm phán hợp đồng.

c) Kết hợp khác:

Đối với các dự án có tính chất đặc biệt, đặc thù, không áp dụng được các phương pháp đánh giá nêu trên, bên mời thầu báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt tiêu chuẩn kết hợp khác trong HSMT trên cơ sở bảo đảm mục tiêu cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong lựa chọn nhà đầu tư. Trong trường hợp này, bên mời thầu phải xây dựng nguyên tắc xét duyệt trúng thầu tương ứng.

2.2.2. Căn cứ quy mô, tính chất, loại hợp đồng dự án và tiêu chuẩn đánh giá xác định theo quy định tại Mục 2.2.1 Chương này, HSMT phải nêu rõ các nội dung đánh giá về tài chính - thương mại, gồm:

- Đánh giá tính khả thi về tài chính - thương mại, bao gồm cả chi phí cho hoạt động thiết kế và xây dựng, chi phí vận hành, quản lý, kinh doanh, bảo trì, bảo dưỡng;

- Đánh giá tính hợp lý của các thỏa thuận tài chính được đề xuất;

- Đánh giá về mức độ chấp thuận các điều khoản hợp đồng được đề xuất liên quan đến việc phân bổ rủi ro hoặc các khoản bồi thường;

- Các nội dung đánh giá khác về mặt tài chính - thương mại khác (nếu cần thiết).

C. Nguyên tắc xác định giá trị quyết toán vốn đầu tư công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng:

Căn cứ cơ cấu nguồn vốn của dự án, nguyên tắc quyết toán vốn đầu tư công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng PPP hoàn thành quy định tại Luật PPP và Nghị định số 28/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý tài chính dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, cơ quan có thẩm quyền, bên mời thầu phải xác định nội dung quyết toán tại Phần này.

CHƯƠNG IV. BIỂU MẪU DỰ THẦU

A. Biểu mẫu dự thầu thuộc HSĐXKT

1. Mẫu số 01: Đơn dự thầu đề xuất về kỹ thuật

2. Mẫu số 02: Giấy ủy quyền

3. Mẫu số 03: Thỏa thuận liên danh

4. Mẫu số 04: Thông tin về nhà đầu tư

5. Mẫu số 05: Lịch sử tranh chấp, khiếu kiện đối với các hợp đồng đã và đang thực hiện

6. Mẫu số 06: Năng lực tài chính của nhà đầu tư

7. Mẫu số 07: Cam kết nguồn cung cấp tài chính, tín dụng cho nhà đầu tư

8. Mẫu số 08: Kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự

9. Mẫu số 09: Đề xuất về kỹ thuật

10. Mẫu số 10: Bảo lãnh dự thầu

B. Biểu mẫu dự thầu thuộc HSĐXTCTM

11. Mẫu số 11: Đơn dự thầu đề xuất tài chính - thương mại

12. Mẫu số 12: Tổng hợp phương án tài chính

Mẫu số 01

ĐƠN DỰ THẦU ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT[1]

(Địa điểm), ngày ___ tháng ___ năm ___

Kính gửi: ___ *[ghi tên bên mời thầu]*

Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời thầu của dự án ___ *[ghi tên dự án]* do_____ *[ghi tên bên mời thầu]* (sau đây gọi tắt là Bên mời thầu) phát hành ngày ___ *[ghi ngày bắt đầu phát hành hồ sơ mời thầu cho nhà đầu tư]* và văn bản sửa đổi hồ sơ mời thầu số ___ ngày___ *[ghi số, ngày của văn bản sửa đổi, nếu có]*, chúng tôi, ___ *[ghi tên nhà đầu tư]* nộp hồ sơ đề xuất về kỹ thuật đối với dự án nêu trên. Hồ sơ đề xuất về kỹ thuật này được nộp không có điều kiện và ràng buộc kèm theo.

Chúng tôi sẵn sàng cung cấp cho Bên mời thầu bất kỳ thông tin bổ sung, làm rõ cần thiết nào khác theo yêu cầu của Bên mời thầu.

Chúng tôi cam kết[2]:

1. Chỉ tham gia trong một hồ sơ đề xuất về kỹ thuật này với tư cách là nhà đầu tư độc lập, thành viên liên danh.

2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong lựa chọn nhà đầu tư.

4. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở các hành vi vi phạm khác của pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP, pháp luật về đấu thầu khi tham dự dự án này.

5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ đề xuất về kỹ thuật là chính xác, trung thực.

6. Chúng tôi đồng ý và cam kết chịu mọi trách nhiệm liên quan đối với tất cả nghĩa vụ của nhà đầu tư trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư.

Hồ sơ đề xuất về kỹ thuật này có hiệu lực trong thời gian___ngày *[ghi số ngày]*[3], kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư [4]

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)[5]]

Ghi chú:

(1) Nhà đầu tư lưu ý ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của bên mời thầu, nhà đầu tư, thời gian có hiệu của HSĐXKT.

(2) Trường hợp phát hiện nhà đầu tư vi phạm các cam kết này thì nhà đầu tư bị coi là có hành vi gian lận, HSDT bị loại và nhà đầu tư sẽ bị xử lý vi phạm theo quy định.

(3) Thời gian có hiệu lực của HSĐXKT được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong HSMT. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày có thời điểm đóng thầu được tính là 01 ngày.

(4) Đối với nhà đầu tư độc lập, đơn dự thầu phải được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu. Đối với nhà đầu tư liên danh, đơn dự thầu phải được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc của thành viên theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có).

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư/thành viên liên danh được xác định theo quy định tại Mục 11 CDNĐT.

(5) Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài không có con dấu thì phải cung cấp xác nhận của tổ chức có thẩm quyền về việc chữ ký trong đơn dự thầu và các tài liệu khác trong HSDT là của người đại diện hợp pháp của nhà đầu tư.

Mẫu số 02

GIẤY ỦY QUYỀN

Hôm nay, ngày___ tháng___ năm___, tại___

Tôi là___ *[ghi tên, số CMND/số hộ chiếu/số CCCD, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư]*, là người đại diện theo pháp luật của___ *[ghi tên nhà đầu tư]* có địa chỉ tại___ *[ghi địa chỉ của nhà đầu tư]*, bằng văn bản này ủy quyền cho:___ *[ghi tên, số CMND/số hộ chiếu/số CCCD, chức danh của người được ủy quyền]* thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia lựa chọn nhà đầu tư dự án___ *[ghi tên dự án]* do___ *[ghi tên bên mời thầu]* tổ chức:

[Phạm vi ủy quyền gồm một hoặc một số công việc sau:

- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham gia lựa chọn nhà đầu tư, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ mời thầu, văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ dự thầu;

- Ký các văn bản kiến nghị trong lựa chọn nhà đầu tư (nếu có);

- Các công việc khác [ghi rõ nội dung các công việc (nếu có)].

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi được ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của___ *[ghi tên nhà đầu tư]*. _____ *[ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư]* chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do_____ *[ghi tên người được ủy quyền]* thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày____ đến ngày____[(1)]. Giấy ủy quyền này được lập thành____ bản có giá trị pháp lý như nhau. Người ủy quyền giữ____ bản. Người được ủy quyền giữ____ bản. Đính kèm theo bản gốc của hồ sơ đề xuất về kỹ thuật một (01) bản gốc.

Người được ủy quyền	**Người ủy quyền**
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)[(2)]]	*[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)[(3)]]*

Ghi chú:

(1) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham dự thầu.

(2), (3) Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà đầu tư hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền.

Mẫu số 03

THỎA THUẬN LIÊN DANH

(Địa điểm), ngày___ tháng___ năm___

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh: ___ *[Ghi tên từng thành viên liên danh]*

- Quốc gia nơi đăng ký hoạt động:

- Mã số thuế:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Fax:

- Email:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

Giấy ủy quyền số ___ ngày___ tháng ___ năm ___ *(trường hợp được ủy quyền)*.

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham gia lựa chọn nhà đầu tư dự án ___ *[ghi tên dự án]*.

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến dự án là:___ *[ghi tên của liên danh theo thỏa thuận]*.

Địa chỉ giao dịch của Liên danh:

Điện thoại:

Fax:

Email:

Người đại diện của Liên danh:

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà đầu tư khác để tham gia lựa chọn nhà đầu tư dự án.

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện các công việc trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư cho dự án như sau:

1. Các bên nhất trí thỏa thuận cho.___ *[ghi tên một thành viên]* là thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh để thực hiện các công việc sau *(có thể điều chỉnh, bổ sung theo thỏa thuận của các bên):*

[Thành viên đứng đầu liên danh có thể đại diện cho liên danh để thực hiện một hoặc một số công việc sau:

- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham gia lựa chọn nhà đầu tư, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ mời thầu, văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ dự thầu;

- Ký các văn bản kiến nghị trong lựa chọn nhà đầu tư (nếu có);

- Các công việc khác, trừ việc ký kết hợp đồng (ghi rõ nội dung các công việc, nếu có)].

2. Vai trò, trách nhiệm của các thành viên liên danh[(1)]:

TT	Tên thành viên	Vai trò tham gia *[Ghi phần công việc mà thành viên đảm nhận (thu xếp tài chính, xây dựng, quản lý, vận hành,...]*	Vốn chủ sở hữu	
			Giá trị	Tỉ lệ %
1	Thành viên 1 *[Đứng đầu liên danh]*			*[tối thiểu 30%]*
2	Thành viên 2			*[tối thiểu 15%]*
3	Thành viên 3			*[tối thiểu 15%]*
.....				
		Tổng	....	**100%**

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên thỏa thuận cùng chấm dứt;

- Có sự thay đổi thành viên liên danh. Trong trường hợp này, nếu sự thay đổi thành viên liên danh được bên mời thầu chấp thuận thì các bên phải thành lập thỏa thuận liên danh mới;

- Liên danh không trúng thầu;

- Hủy việc lựa chọn nhà đầu tư của dự án theo thông báo của bên mời thầu.

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng.

Thỏa thuận liên danh này được lập thành ___ bản gốc, mỗi thành viên liên danh giữ___ bản, nộp kèm theo hồ sơ dự thầu 01 bản gốc. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.

Đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh (2)

[ghi tên đại diện hợp pháp của từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)(3)]

Ghi chú:

(1) Nhà đầu tư phải kê khai vai trò, trách nhiệm của từng thành viên liên danh và tỷ lệ phần trăm góp vốn chủ sở hữu trong liên danh.

(2) Đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh được xác định theo quy định tại Mục 11 CDNĐT.

(3) Trường hợp thành viên liên danh là nhà đầu tư nước ngoài không có con dấu thì phải cung cấp xác nhận của tổ chức có thẩm quyền về việc chữ ký trong thỏa thuận liên danh là của người đại diện hợp pháp của thành viên liên danh.

Mẫu số 04

THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ[(1)]

(Địa điểm), ngày___ tháng___ năm___

1. Tên nhà đầu tư/thành viên liên danh:

2. Quốc gia nơi đăng ký hoạt động của nhà đầu tư[(2)]:

3. Năm thành lập công ty:

4. Địa chỉ hợp pháp của nhà đầu tư tại quốc gia đăng ký:

5. Thông tin về đại diện hợp pháp của nhà đầu tư:

- Tên:

- Địa chỉ:

- Số điện thoại/fax:

- Địa chỉ e-mail:

6. Sơ đồ tổ chức của nhà đầu tư.

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà đầu tư cần nộp kèm theo bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà đầu tư đang hoạt động cấp.

Mẫu số 05

LỊCH SỬ TRANH CHẤP, KHIẾU KIỆN ĐỐI VỚI CÁC HỢP ĐỒNG ĐÃ VÀ ĐANG THỰC HIỆN(1)

Tên nhà đầu tư:_____

Ngày:_____

Tên thành viên của nhà đầu tư liên danh (nếu có):_____

Các vụ tranh chấp, khiếu kiện đối với các hợp đồng đã và đang thực hiện			
Chọn một trong các thông tin mô tả dưới đây: ❑ Không có tranh chấp, khiếu kiện đối với các hợp đồng đã và đang thực hiện. ❑ Dưới đây là mô tả về các vụ tranh chấp, khiếu kiện đối với các hợp đồng đã và đang thực hiện mà nhà đầu tư là một bên đương sự (hoặc mỗi thành viên của liên danh nếu là nhà đầu tư liên danh).			
Năm	**Vấn đề tranh chấp, khiếu kiện**	**Giá trị tranh chấp, khiếu kiện(2)**	**Tỷ lệ tương ứng với vốn chủ sở hữu**

Ghi chú:

(1) Nhà đầu tư bảo đảm việc kê khai nội dung này là đầy đủ và trung thực, nếu Bên mời thầu phát hiện bất cứ nhà đầu tư nào đang có các vụ kiện tụng mà không kê khai thì được coi là hành vi gian lận theo quy định tại khoản 11 Điều 10 Luật PPP và HSDT sẽ bị loại. Trường hợp sau khi có kết quả giải quyết tranh chấp dẫn đến vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư không đáp ứng yêu cầu để thực hiện dự án thì nhà đầu tư phải cập nhật vốn chủ sở hữu để chứng minh đáp ứng yêu cầu thực hiện dự án theo HSMT, nếu nhà đầu tư vẫn không đáp ứng sẽ bị loại.

Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên của nhà đầu tư liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Đồng tiền là đồng tiền quy định tại Mục 12.2 **BDL**.

Mẫu số 06

NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ[1]

1. Tên nhà đầu tư/thành viên liên danh:

2. Thông tin về năng lực tài chính của nhà đầu tư/thành viên liên danh:

a) Tóm tắt các số liệu về tài chính [2]:

STT	Nội dung	Giá trị
I	**Vốn chủ sở hữu cam kết sử dụng cho dự án**	
II	**Các số liệu về vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư**	
1	Tổng vốn chủ sở hữu	
2	Chi phí liên quan đến kiện tụng (nếu có)	
3	Vốn chủ sở hữu cam kết cho các dự án đang thực hiện[4] (không gồm vốn đã được giải ngân cho các dự án đang thực hiện) và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có))	
4	Vốn chủ sở hữu phải giữ lại theo quy định	

b) Tài liệu đính kèm[5]

- Báo cáo tài chính của nhà đầu tư năm gần nhất đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán và báo cáo tài chính giữa niên độ theo quy định của pháp luật đã được kiểm toán (nếu có).

Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức mới thành lập trong năm, vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được xác định căn cứ vào báo cáo tài chính đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán trong khoảng thời gian kể từ thời điểm thành lập đến trước thời điểm đóng thầu hoặc báo cáo tài chính giữa niên độ tại thời điểm gần nhất trước thời điểm đóng thầu theo quy định của pháp luật đã được kiểm toán. Trường hợp đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ góp vốn chủ sở hữu thì đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ có văn bản cam kết và báo cáo tài chính chứng minh đảm bảo đủ vốn chủ sở hữu để góp vốn theo phương án tài chính của dự án PPP.

Các báo cáo do nhà đầu tư cung cấp phải bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật về tài chính, kế toán, phản ánh tình hình tài chính riêng của nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà đầu tư liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ hoặc công ty con hoặc công ty liên kết với nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh.

- Danh mục dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác trong trường hợp tại cùng một thời điểm nhà đầu tư tham gia đầu tư nhiều dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có).

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của các số liệu, tài liệu cung cấp liên quan đến vốn chủ sở hữu, phân bổ vốn chủ sở hữu cho các dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn đang thực hiện, phương án huy động vốn chủ sở hữu theo tiến độ thực hiện dự án PPP kê khai tại HSDT. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai là không chính xác, làm sai lệch kết quả đánh giá thì sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 11 Điều 10 Luật PPP và bị xử lý theo quy định tại Mục 42 CDNĐT.

(3) Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá, bên mời thầu bổ sung các thông tin phù hợp.

(4) Trường hợp tại cùng một thời điểm nhà đầu tư tham gia đầu tư nhiều dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có), nhà đầu tư lập danh mục dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác, bảo đảm tổng vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư đáp ứng đủ cho toàn bộ số vốn chủ sở hữu nhà đầu tư cam kết thực hiện cho tất cả các dự án và khoản đầu tư tài chính dài hạn khác theo quy định.

(5) Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá, bên mời thầu có thể bổ sung các tài liệu nhà đầu tư phải nộp để chứng minh năng lực tài chính (ví dụ như: biên bản kiểm tra quyết toán thuế, tờ khai tự quyết toán thuế; tài liệu chứng minh việc nhà đầu tư đã kê khai quyết toán thuế điện tử; văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế;…).

Mẫu số 07

CAM KẾT NGUỒN CUNG CẤP TÀI CHÍNH, TÍN DỤNG CHO NHÀ ĐẦU TƯ

(Địa điểm), ngày___ tháng___ năm___

1. Tôi là ___*[ghi tên]*, ___*[ghi chức vụ]*, là đại diện hợp pháp của___ *[Ghi tên nhà đầu tư/tên liên danh nhà đầu tư]*, xác nhận và cam kết rằng những thông tin được cung cấp trong văn bản này là đúng sự thật và các tài liệu kèm theo là bản sao chính xác với tài liệu gốc.

2. Các nguồn tài chính, tín dụng sau đây đã được cam kết và sẽ được huy động để thực hiện dự án:

Nguồn tài chính	Giá trị (1)
I. Vốn chủ sở hữu cam kết sử dụng cho dự án:	
1.	
2.	
…	
II. Vốn vay nhà đầu tư phải huy động:	
1.	
2.	
…	
III. Vốn huy động thông qua phát hành trái phiếu của doanh nghiệp dự án	
1.	
2.	
…	

3. Tài liệu kèm theo:

- Đối với vốn chủ sở hữu: Văn bản cam kết bảo đảm đủ vốn chủ sở hữu theo phương án tài chính cho dự án của đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ kèm theo các tài liệu chứng minh về thẩm quyền ký cam kết.

- Đối với vốn vay: Văn bản cam kết cung cấp tài chính của ngân hàng, tổ chức tín dụng hoặc bên cho vay khác theo quy định của pháp luật kèm theo các tài liệu chứng minh thẩm quyền của người ký cam kết.

- Đối với vốn huy động thông qua phát hành trái phiếu: Thỏa thuận bằng văn bản giữa nhà đầu tư mua trái phiếu hoặc tổ chức bảo lãnh phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật và nhà đầu tư.

- Tài liệu liên quan khác.

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Ghi số tiền bằng số, bằng chữ theo đồng tiền dự thầu quy định tại Mục 12.2 **BDL**.

Mẫu số 08

KINH NGHIỆM THỰC HIỆN DỰ ÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ [(1)]

(Địa điểm), ngày ___ tháng ___ năm ___

[Nhà đầu tư liệt kê kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự theo yêu cầu của bên mời thầu]

1. Dự án số 01: ___*[ghi tên dự án]*

Tên nhà đầu tư/tên thành viên liên danh:	
1	Số hợp đồng: Ngày ký:
2	Tên dự án/gói thầu:
3	Quốc gia thực hiện dự án:
4	Hình thức dự án □ Đầu tư theo hình thức PPP, loại hợp đồng BT □ Đầu tư theo hình thức PPP, các loại hợp đồng khác BT □ Đầu tư không theo hình thức PPP
5	Lĩnh vực đầu tư của dự án
6	Tham gia dự án với vai trò: □ Nhà đầu tư độc lập □ Thành viên liên danh nhà đầu tư □ Nhà thầu quản lý dự án □ Nhà thầu Xây dựng □ Nhà thầu vận hành
7	Tên cơ quan có thẩm quyền/đại diện cơ quan có thẩm quyền (đối với dự án); chủ đầu tư/đại diện chủ đầu tư (đối với gói thầu) Địa chỉ: Tên người liên lạc: Điện thoại: Fax: Email:

8	Thông tin chi tiết
8.1	Trường hợp tham gia thực hiện dự án với vai trò nhà đầu tư
	Tiến độ, chất lượng thực hiện dự án [(2)]: □ Đang trong giai đoạn xây dựng, đã nghiệm thu hạng mục công trình, □ Đã xác nhận hoàn thành hoặc nghiệm thu công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng □ Đang trong giai đoạn vận hành □ Đã kết thúc
	Tổng mức đầu tư:
	Tỷ lệ góp vốn (trường hợp nhà đầu tư là liên danh):
	Vốn chủ sở hữu đã được huy động:
	Mô tả ngắn gọn về điểm tương đồng của dự án đã thực hiện này với dự án đang lựa chọn nhà đầu tư:
	- Mô tả ngắn gọn về phần công việc đã thực hiện: - Giá trị của (các) phần công việc đã thực hiện: (Giá trị và loại tiền tệ) tương đương . . . VNĐ
	- Mô tả ngắn gọn về phần công việc còn phải thực hiện: - Giá trị của (các) phần công việc còn phải thực hiện: (Giá trị và loại tiền tệ) tương đương . . . VNĐ
	Lịch sử tranh chấp, kiện tụng:
	Mô tả tóm tắt về các yêu cầu đặc biệt về kỹ thuật/hoạt động vận hành:
8.2	Trường hợp tham gia thực hiện dự án với vai trò nhà thầu

	Phạm vi công việc nhà đầu tư tham gia thực hiện:
	Giá trị phần công việc nhà đầu tư tham gia thực hiện:
	Tiến độ, chất lượng thực hiện(3):
	Lịch sử tranh chấp, kiện tụng:
	Mô tả tóm tắt về các yêu cầu đặc biệt về kỹ thuật:

2. Dự án số 02:___ *[ghi tên dự án]*

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Bên mời thầu có thể điều chỉnh, bổ sung yêu cầu kê khai thông tin tại Mẫu này để phù hợp với tiêu chí đánh giá về kinh nghiệm của nhà đầu tư

(2), (3) Nhà đầu tư phải cung cấp các tài liệu chứng minh các thông tin đã kê khai và tiến độ, chất lượng thực hiện hợp đồng như bản sao công chứng hợp đồng, quyết định phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng, xác nhận của cơ quan có thẩm quyền/đại diện cơ quan có thẩm quyền (đối với dự án), chủ đầu tư/đại diện chủ đầu tư (đối với gói thầu)…

Mẫu số 09

ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT

Căn cứ quy mô, tính chất, loại hợp đồng dự án cụ thể và tiêu chuẩn đánh giá HSĐXKT, bên mời thầu yêu cầu nhà đầu tư chuẩn bị các nội dung, biểu mẫu đề xuất về mặt kỹ thuật và các tài liệu thuyết minh đính kèm (nếu có) làm cơ sở để đánh giá HSĐXKT, gồm các nội dung sau đây:

a) Kế hoạch và phương pháp triển khai thực hiện dự án bảo đảm cung cấp công trình dự án, sản phẩm hoặc dịch vụ liên tục, ổn định với chất lượng được xác định tại báo cáo nghiên cứu khả thi;

b) Phương án kỹ thuật, giải pháp công nghệ trên cơ sở yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng công trình dự án, sản phẩm hoặc dịch vụ cung cấp được xác định tại báo cáo nghiên cứu khả thi;

c) Phương án vận hành, quản lý, kinh doanh, bảo trì, bảo dưỡng công trình dự án;

d) Các yêu cầu về môi trường, an toàn được xem xét trên cơ sở các tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường theo quy định của pháp luật về môi trường;

e) Phương án quản lý rủi ro của nhà đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

Mẫu số 10

BẢO LÃNH DỰ THẦU [(1)]

Bên thụ hưởng:_____*[ghi tên và địa chỉ của bên mời thầu]*

Ngày phát hành bảo lãnh:_____*[ghi ngày phát hành bảo lãnh]*

BẢO LÃNH DỰ THẦU số:_____*[ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]*

Bên bảo lãnh:_____*[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]*

Chúng tôi được thông báo rằng_____*[ghi tên nhà đầu tư theo đúng đơn dự thầu]* (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham gia lựa chọn nhà đầu tư dự án *[ghi tên dự án]* theo Thư mời thầu số_____ ngày _____ *[ghi số hiệu, ngày phát hành Thư mời thầu]*.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng bảo lãnh cho nhà đầu tư tham gia đấu thầu dự án bằng một khoản tiền là ____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ____[(2)] ngày, kể từ ngày____tháng___ năm___[(3)].

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền hay các khoản tiền với tổng số tiền là___ *[ghi bằng chữ] [ghi bằng số]* khi nhận được văn bản thông báo nhà đầu tư vi phạm từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ [(4)]:

1. Nhà đầu tư rút hồ sơ dự thầu (hồ sơ đề xuất về kỹ thuật, hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại) sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu;

2. Nhà đầu tư vi phạm pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm đ Mục 36.1 CDNĐT của hồ sơ mời thầu;

3. Doanh nghiệp dự án PPP do nhà đầu tư được lựa chọn thành lập không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 40 CDNĐT của hồ sơ mời thầu;

4. Nhà đầu tư không tiến hành hoặc từ chối tiến hành đàm phán, hoàn thiện, ký kết hợp đồng trong thời gian quy định tại Thông báo chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng.

Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 17.5 CDNĐT của hồ sơ mời thầu thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên liên danh sẽ không được hoàn trả(5).

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh được lựa chọn: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không được lựa chọn: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ dự thầu.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

(2) Ghi theo quy định tại Mục 17.1 **BDL**.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 21.1 **BDL**.

(4) Trường hợp nội dung thư bảo lãnh liệt kê thiếu một trong các hành vi vi phạm thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho bên mời thầu theo quy định tại Mục 17.3 CDNĐT.

(5) Áp dụng trong trường hợp nhà đầu tư liên danh.

Mẫu số 11

ĐƠN DỰ THẦU ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH - THƯƠNG MẠI

(Địa điểm), ngày ___ tháng ___ năm ___

Kính gửi: ___ *[ghi tên bên mời thầu]*

Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời thầu của dự án ___ *[ghi tên dự án]* do _____ *[ghi tên bên mời thầu]* phát hành ngày ___ và văn bản sửa đổi hồ sơ mời thầu số ___ ngày___ *[ghi số, ngày của văn bản sửa đổi, nếu có],* chúng tôi,____ *[ghi tên nhà đầu tư],* cam kết thực hiện dự án nêu trên theo đúng yêu cầu của hồ sơ mời thầu. Cùng với hồ sơ đề xuất về kỹ thuật, chúng tôi xin gửi kèm đơn này đề xuất về tài chính - thương mại với nội dung như sau:

Căn cứ vào phương pháp đánh giá về tài chính - thương mại, bên mời thầu sử dụng một trong các mẫu bảng sau để đưa vào Mẫu này: Đơn dự thầu đề xuất tài chính - thương mại (thuộc HSĐXTCTM):

- Bảng số 01 (áp dụng đối với phương pháp giá, phí sản phẩm, dịch vụ công):

Nội dung	**Số tiền[(1)]** *(Ghi rõ số tiền bằng số, bằng chữ và đồng tiền)*					
	Năm 1	*Năm 2*	*...*	*...*	*....*	*Năm n[(2)]*
Giá, phí sản phẩm, dịch vụ công						

- Bảng số 02 (áp dụng đối với phương pháp vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng):

Nội dung	**Số tiền[(1)]** *(Ghi rõ số tiền bằng số, bằng chữ và đồng tiền)*
Phần vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng	

- Bảng số 03 (áp dụng đối với phương pháp lợi ích xã hội, lợi ích Nhà nước):

Nội dung	**Đề xuất**
Số tiền đề xuất nộp vào ngân sách nhà nước	**Số tiền[(1)]** *(Ghi rõ số tiền bằng số, bằng chữ và đồng tiền)*

Hoặc	
Thời gian thực hiện hợp đồng	**Số tháng/năm** *(Ghi rõ thời gian thực hiện hợp đồng, bằng số, bằng chữ)*

Hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại này có hiệu lực trong thời gian____ ngày(3), kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư(4)

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)(5)]

Ghi chú:

(1) Số tiền trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với Bảng tổng hợp phương án tài chính, không đề xuất khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho cơ quan có thẩm quyền, bên mời thầu.

(2) Ghi theo năm hoặc khoảng thời gian phù hợp (tháng, quý…) căn cứ theo yêu cầu của bên mời thầu.

(3) Ghi số ngày có hiệu lực theo quy định tại Mục 18.1 **BDL**. Thời gian có hiệu lực của HSĐXTCTM được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong HSMT. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày có thời điểm đóng thầu được tính là 01 ngày.

(4) Đối với nhà đầu tư độc lập, đơn dự thầu phải được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu. Đối với nhà đầu tư liên danh, đơn dự thầu phải được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc của thành viên thay mặt liên danh theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có).

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư/thành viên liên danh được xác định theo quy định tại Mục 11 CDNĐT.

(5) Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài không có con dấu thì phải cung cấp xác nhận của tổ chức có thẩm quyền là chữ ký trong đơn dự thầu và các tài liệu khác trong HSDT là của người đại diện hợp pháp của nhà đầu tư.

Mẫu số 12

TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH

Nhà đầu tư cần nộp mô hình tài chính bằng cả bản in và bản điện tử (định dạng file excel hoặc theo yêu cầu của bên mời thầu) theo các yêu cầu sau đây:

A. Cấu trúc của mô hình tài chính

- Cấu trúc mô hình rõ ràng và trình bày chuyên nghiệp;

- Được lập trên ứng dụng Microsoft Excel hoặc ứng dụng khác;

- Trình bày số tiền hàng triệu với 2 chữ số thập phân;

- Không có bất cứ trang nào hoặc ô nào bị ẩn hoặc bảo vệ bằng mã số;

- Tính toán cần phải được chia tách hợp lý để có thể dễ dàng theo dõi trên màn hình hoặc trên trang giấy;

- Các ô có chứa số cố định cần được bôi màu vàng;

- Mô hình tài chính cần được chia thời kỳ theo năm;

B. Tài liệu giả định

Nhà đầu tư cần cung cấp mô tả chi tiết các giả định được sử dụng trong mô hình tài chính. Các giả định phải gồm các phần:

- Kế hoạch chi phí xây dựng và chi phí vận hành;

- Bản tóm tắt kế hoạch huy động vốn, gồm tất các phí và chi phí tài chính;

- Giả định dự báo nhu cầu và doanh thu của dự án;

- Giả định về kinh tế vĩ mô;

- Giả định về thuế;

- Chính sách kế toán và tỷ lệ khấu hao;

- Các giả định cần thiết khác để xây dựng mô hình tài chính.

Các giả định nêu trong tài liệu giả định phải phù hợp với mô hình tài chính.

C. Hướng dẫn sử dụng mô hình tài chính

Nhà đầu tư cần nộp tài liệu hướng dẫn, giải thích các chức năng của mô hình tài chính và cấu trúc của mô hình.

PHẦN 2. YÊU CẦU THỰC HIỆN DỰ ÁN

Bên mời thầu căn cứ nội dung báo cáo nghiên cứu tiền khả thi; báo cáo nghiên cứu khả thi; thiết kế, dự toán (trường hợp áp dụng) đã được phê duyệt của dự án để xác định yêu cầu thực hiện dự án (trường hợp cần thiết, phát hành kèm theo HSMT các tài liệu này). Yêu cầu thực hiện dự án gồm:

I. Thông tin về dự án

1. Mục tiêu dự án:

2. Quy mô dự án (dự kiến):

3. Địa điểm thực hiện dự án:

4. Nhu cầu sử dụng đất, mặt nước và tài nguyên khác (nếu có) được sử dụng để thực hiện dự án:

5. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

6. Thời gian thực hiện dự án:

7. Loại hợp đồng dự án (dự kiến):

8. Tổng mức đầu tư của dự án:

Trong đó:

8.1. Phần vốn nhà nước trong dự án, cách thức quản lý và sử dụng phần vốn này (nếu có):

a) Vốn hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng

b) Vốn chi trả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư, hỗ trợ xây dựng công trình tạm

c) Vốn thanh toán cho nhà đầu tư thực hiện dự án áp dụng loại hợp đồng BTL, BLT

d) Giá trị vốn nhà nước tại điểm a và điểm b nêu trên chiếm tỷ lệ...% tổng mức đầu tư

đ) Chi phí lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi

8.2. Vốn do nhà đầu tư huy động, cơ cấu vốn chủ sở hữu, vốn vay

8.3. Khung giá, phí sản phẩm, dịch vụ công (dự kiến): (đối với dự án áp dụng cơ chế thu phí trực tiếp từ người sử dụng)

9. Ưu đãi và bảo đảm đầu tư

9.1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp: Cơ sở pháp lý của ưu đãi; đối tượng và điều kiện hưởng ưu đãi (nếu có)

9.2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu: Cơ sở pháp lý của ưu đãi; đối tượng và điều kiện hưởng ưu đãi (nếu có)

9.3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất: Cơ sở pháp lý của ưu đãi; đối tượng và điều kiện hưởng ưu đãi (nếu có)

9.4. Các bảo đảm đầu tư khác: Cơ sở pháp lý của hình thức bảo đảm; đối tượng và điều kiện hưởng bảo đảm

10. Cơ chế chia sẻ phần tăng, giảm doanh thu

10.1. Dự án này áp dụng cơ chế chia sẻ phần tăng doanh thu theo quy định tại khoản 1 Điều 82 của Luật PPP

10.2. [Trường hợp áp dụng cơ chế chia sẻ phần giảm doanh thu] Dự án này áp dụng cơ chế chia sẻ phần giảm doanh thu theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 82 của Luật PPP như sau: Điều kiện, phương án chia sẻ và nguồn vốn dự kiến sử dụng để chi trả phần giảm doanh thu

11. Tên cơ quan có thẩm quyền:

12. Tên cơ quan ký kết hợp đồng với nhà đầu tư:

13. Tên nhà đầu tư đề xuất dự án (trường hợp dự án do nhà đầu tư đề xuất)

II. Yêu cầu thực hiện dự án

1. Yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng công trình dự án, sản phẩm hoặc dịch vụ cung cấp

- Yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng công trình dự án, sản phẩm hoặc dịch vụ cung cấp thông qua chỉ số đánh giá chất lượng thực hiện dự án về mặt kỹ thuật.

- Yêu cầu về phương án kỹ thuật, công nghệ thực hiện dự án. Nhà đầu tư có thể đề xuất phương án kỹ thuật, công nghệ khác đáp ứng chỉ số đánh giá chất lượng thực hiện dự án về mặt kỹ thuật và mang lại hiệu quả cao hơn cho dự án.

Trong yêu cầu về kỹ thuật không được đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà đầu tư hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà đầu tư gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng.

- Tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm, dịch vụ công, trong đó gồm yêu cầu về việc bảo đảm tính liên tục trong quá trình cung cấp sản phẩm, dịch vụ công

2. Yêu cầu về phương thức tổ chức vận hành, quản lý và kinh doanh

- Yêu cầu về phương thức tổ chức vận hành, quản lý và kinh doanh sản phẩm, hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của nhà đầu tư.

- Yêu cầu về phương thức để cơ quan có thẩm quyền phối hợp với nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án trong quá trình kinh doanh hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ của dự án.

- Yêu cầu về phương thức giám sát để bảo đảm cung cấp sản phẩm, dịch vụ ổn định, liên tục, đạt chất lượng đáp ứng nhu cầu của người sử dụng.

- Yêu cầu cung cấp bảo lãnh bảo đảm tính liên tục (nếu cần thiết);

3. Yêu cầu về môi trường và an toàn

- Yêu cầu về môi trường và an toàn mà nhà đầu tư phải bảo đảm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình xây dựng, quản lý, vận hành, kinh doanh hàng hóa, sản phẩm hoặc dịch vụ công.

- Yêu cầu về đánh giá tác động tiêu cực đối với môi trường và biện pháp khắc phục;

4. Yêu cầu tài chính - thương mại của dự án

- Trường hợp HSMT sử dụng phương pháp giá, phí sản phẩm, dịch vụ công để đánh giá về tài chính - thương mại, tại Mục này xác định rõ thời gian hoàn vốn và các yếu tố liên quan (vốn góp Nhà nước...); các yếu tố này cố định và được sử dụng trong phương án tài chính do nhà đầu tư đề xuất. Căn cứ báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt, HSMT xác định mức giá, phí sản phẩm, dịch vụ công tối đa để nhà đầu tư có cơ sở đề xuất.

- Trường hợp HSMT sử dụng phương pháp vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng để đánh giá về tài chính - thương mại, tại Mục này xác định rõ thời gian hoàn vốn,

giá, phí sản phẩm, dịch vụ công và các yếu tố có liên quan (giá, phí sản phẩm, dịch vụ công...); các yếu tố này cố định và được sử dụng trong phương án tài chính do nhà đầu tư đề xuất. Căn cứ báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt, HSMT xác định mức vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng tối đa để nhà đầu tư có cơ sở đề xuất.

- Trường hợp HSMT sử dụng phương pháp lợi ích xã hội, lợi ích Nhà nước để đánh giá về tài chính - thương mại, tại Mục này xác định rõ các nội dung có liên quan (giá, phí sản phẩm, dịch vụ công, vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng, thời gian hoàn vốn...) cố định và được sử dụng trong phương án tài chính do nhà đầu tư đề xuất. Hiệu quả đầu tư được xác định thông qua tiêu chí đề xuất nộp ngân sách nhà nước hoặc thời gian thực hiện hợp đồng. HSMT phải xác định mức giá trị nộp ngân sách nhà nước tối thiểu hoặc thời gian thực hiện hợp đồng tối đa để nhà đầu tư có cơ sở đề xuất.

PHẦN 3: DỰ THẢO HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Trên cơ sở các nội dung hướng dẫn lập hợp đồng mẫu dự án PPP quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 35/2021/NĐ-CP, căn cứ tính chất, quy mô, loại hợp đồng dự án cụ thể và mẫu hợp đồng chuyên ngành do cơ quan quản lý ngành ban hành, cơ quan có thẩm quyền, bên mời thầu xây dựng dự thảo hợp đồng, biểu mẫu hợp đồng và đính kèm trong HSMT. Dự thảo hợp đồng gồm các điều khoản để làm cơ sở cho các bên đàm phán, hoàn thiện, ký kết và thực hiện hợp đồng, bảo đảm phân chia rõ trách nhiệm, rủi ro, quyền và lợi ích hợp pháp của các bên ký kết hợp đồng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Mẫu số 13

THƯ CHẤP THUẬN HỒ SƠ DỰ THẦU VÀ TRAO HỢP ĐỒNG

(Địa điểm), ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ *[ghi tên và địa chỉ của nhà đầu tư trúng thầu]*
(sau đây gọi tắt là Nhà đầu tư)

Về việc: *Thông báo chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng.*

Căn cứ Quyết định số___ ngày___ *[Ghi số, ngày ký quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư]* của ____*[ghi tên cơ quan có thẩm quyền]* (sau đây gọi tắt là cơ quan có thẩm quyền) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư dự án____ *[ghi tên dự án]*, ____ *[ghi tên bên mời thầu]* (sau đây gọi tắt là Bên mời thầu) xin thông báo cơ quan có thẩm quyền đã chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng cho Nhà đầu tư để thực hiện dự án ____ *[ghi tên dự án]* với thông tin hợp đồng là ____ *[ghi giá, phí sản phẩm, dịch vụ công hoặc phần vốn góp nhà nước hoặc giá trị nộp ngân sách nhà nước hoặc thời gian thực hiện hợp đồng trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư]* với thời gian thực hiện hợp đồng là ____ *[ghi thời gian thực hiện hợp đồng trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư]*.

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà đầu tư tiến hành đàm phán, hoàn thiện và ký kết hợp đồng với cơ quan có thẩm quyền, Bên mời thầu theo kế hoạch như sau:

- Thời gian đàm phán, hoàn thiện hợp đồng: ____*[ghi thời gian đàm phán, hoàn thiện hợp đồng]*, tại địa điểm ____*[ghi địa điểm đàm phán, hoàn thiện hợp đồng]*, gửi kèm theo Dự thảo hợp đồng.

- Thời gian ký kết hợp đồng: ____ *[ghi thời gian ký kết hợp đồng]*; tại địa điểm ___ *[ghi địa điểm ký kết hợp đồng]*.

Đề nghị Nhà đầu tư thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 14 Phần 3 - Dự thảo hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng của hồ sơ mời thầu

với số tiền ___ và thời gian có hiệu lực___ *[ghi số tiền và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 40.1 CDNĐT của hồ sơ mời thầu]*.

Văn bản này là một phần không tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà đầu tư phải có văn bản chấp thuận đến đàm phán, hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên, trong đó Nhà đầu tư phải cam kết năng lực hiện tại của Nhà đầu tư vẫn đáp ứng yêu cầu nêu trong hồ sơ mời thầu và cam kết sẽ nộp phương án bảo đảm huy động vốn chủ sở hữu và các tài liệu chứng minh bảo đảm đáp ứng yêu cầu về vốn chủ sở hữu để Cơ quan có thẩm quyền giám sát tiến độ huy động vốn của nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án. Cơ quan có thẩm quyền sẽ từ chối đàm phán, hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà đầu tư trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà đầu tư không đáp ứng yêu cầu thực hiện dự án.

Nếu đến ngày___ *[ghi ngày cụ thể, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày phát hành văn bản thông báo chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng]* mà Nhà đầu tư không tiến hành đàm phán, hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà đầu tư sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

Đại diện hợp pháp của bên mời thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Tài liệu đính kèm: Dự thảo hợp đồng

Mẫu số 14

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG(1)

(Địa điểm), ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ *[ghi tên cơ quan có thẩm quyền ký kết hợp đồng]*

(sau đây gọi tắt là Cơ quan có thẩm quyền ký kết hợp đồng)

Theo đề nghị của ____ *[ghi tên nhà đầu tư]* là nhà đầu tư được lựa chọn để thực hiện dự án ____ *[ghi tên dự án]* (sau đây gọi tắt là Nhà đầu tư) và cam kết sẽ ký kết hợp đồng để thực hiện dự án nêu trên (sau đây gọi tắt là Hợp đồng); (2)

Theo quy định trong HSMT *(hoặc hợp đồng)*, Nhà đầu tư phải nộp cho Cơ quan có thẩm quyền ký kết hợp đồng bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện Hợp đồng;

Chúng tôi, ____ *[ghi tên của ngân hàng]* ở ____ *[ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ]* có trụ sở đăng ký tại ____ *[ghi địa chỉ của ngân hàng(3)]*, xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện Hợp đồng của Nhà đầu tư với số tiền là ____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng như yêu cầu quy định tại Mục 40.1 CDNĐT]*.

Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Cơ quan có thẩm quyền ký kết hợp đồng một khoản tiền hay các khoản tiền với tổng số tiền là___*[ghi bằng chữ] [ghi bằng số]* như đã nêu trên, khi có văn bản của Cơ quan có thẩm quyền ký kết hợp đồng thông báo Nhà đầu tư vi phạm Hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện Hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày _____ cho đến hết ngày ____.(4)

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng.

(2) Nếu ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì bên mời thầu sẽ báo cáo cơ quan có thẩm quyền ký kết hợp đồng xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

"Theo đề nghị của ____ *[ghi tên nhà đầu tư]* là nhà đầu tư trúng thầu dự án ____ *[ghi tên dự án]* (sau đây gọi tắt là Nhà đầu tư) đã ký hợp đồng số *[ghi số hợp đồng]* ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi tắt là Hợp đồng)."

(3) Địa chỉ ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 40.1. CDNĐT.

(Xem tiếp Công báo số 1013 + 1014)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng